

## LỜI MỞ ĐẦU

Kế toán là một phương tiện được sử dụng để thu thập, đo lường, đánh giá và truyền đạt những thông tin kinh tế, tài chính về quá trình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thông qua việc thực hiện các nghiệp vụ kinh tế. Báo cáo tài chính là sản phẩm quan trọng nhất của quy trình kế toán; nó là công cụ cơ bản để công bố thông tin kế toán của doanh nghiệp. Nó tổng hợp và truyền đạt tất cả các số liệu kế toán được phản ánh trên các tài khoản kế toán, hoặc cả số liệu từ các chứng từ kế toán được lập và trình bày vào báo cáo tài chính để đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu của người sử dụng thông tin kế toán. Do vậy mà việc phân tích các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính là một công việc vô cùng cần thiết và quan trọng.

Nhận thấy được tầm quan trọng của công tác phân tích tài chính doanh nghiệp, đặc biệt là thông qua việc phân tích báo cáo tài chính, cùng với sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Thạc sĩ Vũ Hùng Quyết và các cán bộ kế toán của phòng kế toán công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng, em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung khóa luận gồm 3 chương:

**Chương I:** Lý luận chung về công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.

**Chương II:** Thực tế công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.

**Chương III:** Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.

Do hiểu biết và thời gian còn hạn chế nên khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

**Chương I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Một số vấn đề chung về hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp**

*1.1.1 Báo cáo tài chính và sự cần thiết của BCTC trong doanh nghiệp.*

- Báo cáo tài chính là báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh trong kì của doanh nghiệp, là nguồn cung cấp thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu về quản lý của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và nhu cầu của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế của mình.

- Sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế:

Các nhà quản trị muốn đưa ra được các quyết định kinh doanh đúng đắn thì họ phải căn cứ vào điều kiện hiện tại và những dự đoán về tương lai, dựa trên những thông tin có liên quan đến quá khứ và kết quả kinh doanh mà doanh nghiệp đã đạt được. Các bảng này gọi là: báo cáo tài chính.

Xét trên tầm vi mô, nếu không thiết lập hệ thống báo cáo tài chính thì khi phân tích tình hình tài chính hoặc tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác các nhà đầu tư, chủ nợ... sẽ không có cơ sở để biết về tình hình tài chính của doanh nghiệp khiến họ khó có thể đưa ra các quyết định về hợp tác kinh doanh và nếu có các quyết định thì sẽ có rủi ro cao.

Xét trên tầm vĩ mô, Nhà nước sẽ không thể quản lý được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các ngành khi không có hệ thống báo cáo tài chính. Vì vậy nhà nước phải dựa vào hệ thống báo cáo tài chính để quản lý và điều tiết nền kinh tế, nhất là đối với nền kinh tế nước ta (nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước theo định hướng XHCN). Do đó hệ thống báo cáo tài chính là đặc biệt cần thiết.

*1.1.2 Mục đích và vai trò của báo cáo tài chính.*

❖ Mục đích: Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- a/ Tài sản;
- b/ Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu;
- c/ Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác;
- d/ Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh;
- đ/ Thuế và các khoản nộp Nhà nước;
- e/ Tài sản khác có liên quan đến đơn vị kế toán;
- g/ Các luồng tiền.

Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong “Bản thuyết minh báo cáo tài chính” nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các báo cáo tài chính tổng hợp và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày báo cáo tài chính.

❖ Vai trò: Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn phục vụ chủ yếu cho đối tượng bên ngoài doanh nghiệp, như các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà đầu tư hiện tại và các nhà đầu tư tiềm năng, kiểm toán viên độc lập và các đối tượng khác có liên quan...

- Đối với nhà quản lý doanh nghiệp: Các báo cáo tài chính cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản cũng như tình hình và kết quả kinh doanh một kỳ hoạt động để có thể đánh giá đúng đắn tình hình tài chính doanh nghiệp. Từ đó đề ra cách giải quyết, quyết định quản lý kịp thời phù hợp cho sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Báo cáo tài chính cung cấp thông tin cần thiết giúp cho việc thực hiện chức năng quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, giúp cho các cơ quan tài chính Nhà nước thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời làm cơ sở cho việc tính thuế và các khoản nộp khác của doanh nghiệp đối với ngân sách

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

Nhà nước.

- Đối với các nhà đầu tư và chủ nợ: Các nhà đầu tư và các chủ nợ cần các thông tin tài chính để giám sát bắt buộc các nhà quản lý phải thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra còn phục vụ cho việc ra các quyết định đầu tư và cho vay của họ.

- Đối với cơ quan thống kê: Các thông tin trong báo cáo kế toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp giúp cho cơ quan thống kê tổng hợp số liệu theo các chỉ tiêu kinh tế, để từ đó tổng hợp số liệu báo cáo mức tăng trưởng kinh tế quốc gia, xác định GDP.... Để điều tra quản lý kinh tế vi mô, vĩ mô.

- Đối với khách hàng: Báo cáo tài chính giúp họ đánh giá khả năng, năng lực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, mức độ uy tín của doanh nghiệp để quyết định có ứng tiền hàng trước khi mua hay không.

### *1.1.3 Yêu cầu và trình bày báo cáo tài chính.*

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 – “Trình bày báo cáo tài chính” gồm:

- Trung thực và hợp lý;  
- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với qui định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy, khi:

+ Trình bày trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng;

+ Trình bày khách quan, không thiên vị;

+ Tuân thủ nguyên tắc thận trọng;

+ Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khoá sổ kế toán.

Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

nhất quán giữa các kỳ kế toán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký, đóng dấu của đơn vị.

### *1.1.4 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.*

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ 6 nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “Trình bày báo cáo tài chính”:

#### ❖ Hoạt động liên tục:

- Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình. Khi đánh giá, nếu Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp biết được có những điều không chắc chắn liên quan đến các sự kiện hoặc các điều kiện có thể gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp thì những điều không chắc chắn đó cần được nêu rõ. Nếu báo cáo tài chính không được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, thì sự kiện này cần được nêu rõ, cùng với cơ sở dùng để lập báo cáo tài chính và lý do khiến cho doanh nghiệp không được coi là đang hoạt động liên tục.

- Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán được tối thiểu trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán

#### ❖ Cơ sở dồn tích

- Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền.

- Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của các kỳ kế toán liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc phù hợp không cho phép ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán những khoản mục không thoả mãn định nghĩa về tài sản hoặc nợ phải trả.

### ❖ Nhất quán.

- Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

a) Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện; hoặc

b) Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong việc trình bày.

- Doanh nghiệp có thể trình bày báo cáo tài chính theo một cách khác khi mua sắm hoặc thanh lý lớn các tài sản, hoặc khi xem xét lại cách trình bày báo cáo tài chính. Việc thay đổi cách trình bày báo cáo tài chính chỉ được thực hiện khi cấu trúc trình bày mới sẽ được duy trì lâu dài trong tương lai hoặc nếu lợi ích của cách trình bày mới được xác định rõ ràng. Khi có thay đổi, thì doanh nghiệp phải phân loại lại các thông tin mang tính so sánh cho phù hợp với các quy định của đoạn 30 và phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

### ❖ Trọng yếu và tập hợp

- Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

- Khi trình bày báo cáo tài chính, một thông tin được coi là trọng yếu nếu không trình bày hoặc trình bày thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính. Tính trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất của các khoản mục được đánh giá trong các tình huống cụ thể nếu các khoản

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

mục này không được trình bày riêng biệt. Để xác định một khoản mục hay một tập hợp các khoản mục là trọng yếu phải đánh giá tính chất và quy mô của chúng. Tùy theo các tình huống cụ thể, tính chất hoặc quy mô của từng khoản mục có thể là nhân tố quyết định tính trọng yếu. Ví dụ, các tài sản riêng lẻ có cùng tính chất và chức năng được tập hợp vào một khoản mục, kể cả khi giá trị của khoản mục là rất lớn. Tuy nhiên, các khoản mục quan trọng có tính chất hoặc chức năng khác nhau phải được trình bày một cách riêng rẽ.

- Nếu một khoản mục không mang tính trọng yếu, thì nó được tập hợp với các khoản đầu mục khác có cùng tính chất hoặc chức năng trong báo cáo tài chính hoặc trình bày trong phần thuyết minh báo cáo tài chính. Tuy nhiên, có những khoản mục không được coi là trọng yếu để có thể được trình bày riêng biệt trên báo cáo tài chính, nhưng lại được coi là trọng yếu để phải trình bày riêng biệt trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của các chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính trọng yếu.

❖ **Bù trừ**

- Các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày trên báo cáo tài chính không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ. Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí chỉ được bù trừ khi:

- Được quy định tại một chuẩn mực kế toán khác; hoặc
- Các khoản lãi, lỗ và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch và các sự kiện giống nhau hoặc tương tự và không có tính trọng yếu. Các khoản này cần được tập hợp lại với nhau phù hợp với quy định của chuẩn mực 21.

- Các tài sản và nợ phải trả, các khoản thu nhập và chi phí có tính trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt. Việc bù trừ các số liệu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc Bảng cân đối kế toán, ngoại trừ trường hợp việc bù trừ này phản ánh bản chất của giao dịch hoặc sự kiện, sẽ không cho phép người sử

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

dùng hiệu được các giao dịch hoặc sự kiện được thực hiện và dự tính được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp.

- Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” quy định doanh thu phải được đánh giá theo giá trị hợp lý của những khoản đã thu hoặc có thể thu được, trừ đi tất cả các khoản giảm trừ doanh thu. Trong hoạt động kinh doanh thông thường, doanh nghiệp thực hiện những giao dịch khác không làm phát sinh doanh thu, nhưng có liên quan đến các hoạt động chính làm phát sinh doanh thu. Kết quả của các giao dịch này sẽ được trình bày bằng cách khấu trừ các khoản chi phí có liên quan phát sinh trong cùng một giao dịch vào khoản thu nhập tương ứng, nếu cách trình bày này phản ánh đúng bản chất của các giao dịch hoặc sự kiện đó. Chẳng hạn như :

➤ Lãi và lỗ phát sinh trong việc thanh lý các tài sản cố định và đầu tư dài hạn, được trình bày bằng cách khấu trừ giá trị ghi sổ của tài sản và các khoản chi phí thanh lý có liên quan vào giá bán tài sản;

➤ Các khoản chi phí được hoàn lại theo thoả thuận hợp đồng với bên thứ ba (ví dụ hợp đồng cho thuê lại hoặc thầu lại) được trình bày theo giá trị thuần sau khi đã khấu trừ đi khoản được hoàn trả tương ứng;

- Các khoản lãi và lỗ phát sinh từ một nhóm các giao dịch tương tự sẽ được hạch toán theo giá trị thuần, ví dụ các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá, lãi và lỗ phát sinh từ mua, bán các công cụ tài chính vì mục đích thương mại. Tuy nhiên, các khoản lãi và lỗ này cần được trình bày riêng biệt nếu quy mô, tính chất hoặc tác động của chúng yêu cầu phải được trình bày riêng biệt theo qui định của Chuẩn mực “Lãi, lỗ thuần trong kỳ, các sai sót cơ bản và các thay đổi trong chính sách kế toán”.

❖ Có thể so sánh

- Các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán phải được trình bày tương ứng với các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính của kỳ trước. Các thông tin so sánh cần phải bao gồm cả các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều này là cần thiết giúp cho những người



## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

sử dụng hiểu rõ được báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

- Khi thay đổi cách trình bày hoặc cách phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính, thì phải phân loại lại các số liệu so sánh (trừ khi việc này không thể thực hiện được) nhằm đảm bảo khả năng so sánh với kỳ hiện tại, và phải trình bày tính chất, số liệu và lý do việc phân loại lại. Nếu không thể thực hiện được việc phân loại lại các số liệu tương ứng mang tính so sánh thì doanh nghiệp cần phải nêu rõ lý do và tính chất của những thay đổi nếu việc phân loại lại các số liệu được thực hiện.

Việc thuyết minh báo cáo tài chính phải căn cứ vào yêu cầu trình bày thông tin quy định trong các chuẩn mực kế toán. Các thông tin trọng yếu phải được giải trình để giúp người đọc hiểu đúng thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp.

### *1.1.5 Trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính*

(1) Tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế đều phải lập và trình bày báo cáo tài chính năm.

Các công ty, Tổng công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc, ngoài việc phải lập báo cáo tài chính năm của công ty, Tổng công ty còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm dựa trên báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trực thuộc công ty, Tổng công ty.

(2) Đối với DNNN, các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán còn phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ.

Các doanh nghiệp khác nếu tự nguyện lập báo cáo tài chính giữa niên độ thì được lựa chọn dạng đầy đủ hoặc tóm lược.

Đối với Tổng công ty Nhà nước và DNNN có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (\*).

(3) Công ty mẹ và tập đoàn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (\*) và báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ. Ngoài ra còn phải lập báo cáo

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

tài chính hợp nhất sau khi hợp nhất kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 11 “Hợp nhất kinh doanh”.

(\*) Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được thực hiện từ năm 2008)

### 1.1.6 Kỳ lập, thời hạn nộp, nơi nhận báo cáo tài chính

#### ❖ Kỳ lập báo cáo tài chính

- Kỳ lập báo cáo tài chính năm: Các doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm đầu tiên hay năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

- Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ: Là mỗi quý của năm tài chính (không bao gồm quý IV).

- Kỳ lập báo cáo tài chính khác: Các doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác (như tuần, tháng, 6 tháng, 9 tháng...) theo yêu cầu của pháp luật, của công ty mẹ hoặc của chủ sở hữu.

- Đơn vị kế toán bị chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản phải lập báo cáo tài chính tại thời điểm chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản.

#### ❖ Thời hạn nộp báo cáo tài chính

- Đối với doanh nghiệp nhà nước: Thời hạn nộp báo cáo tài chính quý chậm nhất là 20 ngày đối với các đơn vị kế toán; đối với tổng công ty nhà nước chậm nhất là 45 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý. Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày đối với các đơn vị kế toán; đối với tổng công ty nhà nước chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

- Đối với các loại doanh nghiệp khác: Đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày,

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với các đơn vị kế toán khác, thời hạn nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày.

- Ngoài ra các đơn vị kế toán trực thuộc nộp báo cáo tài chính năm (Quý) cho đơn vị kế toán cấp trên theo thời hạn do đơn vị kế toán cấp trên quy định.

❖ Nơi nhận báo cáo tài chính

CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP (4)	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan Thuế (2)	Cơ quan Thống kê	DN cấp trên (3)	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, Năm	x (1)	X	x	x	x
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	X	X	x	x	x
3. Các loại doanh nghiệp khác	Năm		X	x	x	x

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính tất cả các doanh nghiệp đóng trên địa bàn Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm nộp báo cáo tài chính cho các cơ quan chủ quản mình tại Tỉnh, Thành phố đó. Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Trung ương nộp báo cáo tài chính cho cơ quan chủ quản là Bộ tài chính.

1.1.7 Nội dung hệ thống báo cáo tài chính

Hệ thống báo cáo tài chính gồm: báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ.

➤ Báo cáo tài chính năm, gồm:

- Bảng cân đối kế toán	Mẫu số B 01 – DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mẫu số B 02 – DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số B 03 - DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu số B 09 - DN

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

➤ Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ và báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược.

(1) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng đầy đủ):	Mẫu số B 01a – DN;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (dạng đầy đủ):	Mẫu số B 02a – DN;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (dạng đầy đủ):	Mẫu số B 03a – DN;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc:	Mẫu số B 09a – DN.

(2) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng tóm lược):	Mẫu số B 01b – DN;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (dạng tóm lược):	Mẫu số B 02b – DN;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (dạng tóm lược):	Mẫu số B 03b – DN ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc:	Mẫu số B 09a – DN.

### 1.2. Công tác lập bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DN)

#### 1.2.1 Khái niệm, kết cấu và cơ sở lập bảng cân đối kế toán.

❖ Khái niệm:

- Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

- Số liệu trên bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu của tài sản, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần  
đầu tư và thương mại An Thắng

❖ Kết cấu bảng cân đối kế toán:

Bảng 1.1: Kết cấu bảng cân đối kế toán ()

Đơn vị báo cáo:.....

Mẫu số B 01 – DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày ... tháng ... năm ...(1)

Đơn vị tính:.....

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (3)	Số đầu năm (3)
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			
1. Tiền	111	V.01		
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		(...)	(...)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
1. Phải thu khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03		
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(...)	(...)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141	V.04		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(...)	(...)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
1	2	3	4	5
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần  
đầu tư và thương mại An Thắng

B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200			
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(...)	(...)
II. Tài sản cố định	220			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08		
- Nguyên giá	222			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(...)	(...)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(...)	(...)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(...)	(...)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(...)	(...)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(...)	(...)
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270			
NGUỒN VỐN				
A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300			
I. Nợ ngắn hạn	310			
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.17		

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18		
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
1	2	3	4	5
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B – VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	400			
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(...)	(...)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	440			

Bảng 1.2:

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm (3)	Số đầu năm (3)
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày....tháng.....năm...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu và “Mã số”.

Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.

❖ Cơ sở lập bảng cân đối kế toán:

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp;
- Căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết hoặc Bảng tổng hợp chi tiết;
- Căn cứ vào bảng cân đối kế toán năm trước.



### 1.2.2 Quy trình lập bảng cân đối kế toán

❖ **Trước khi lập bảng cân đối kế toán** :Trước khi lập bảng cân đối kế toán cần thiết phải thực hiện tốt các công việc chuẩn bị:

- Phải hoàn thành việc ghi sổ kế toán.

- Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán có liên quan (sổ kế toán tổng hợp với nhau, sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết); kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán doanh nghiệp với các đơn vị có quan hệ kinh tế (ngân hàng, người mua, người bán...) kết quả kiểm tra, đối chiếu nếu có chênh lệch cần phải điều chỉnh theo phương pháp thích hợp trước khi lập báo cáo.

- Kiểm kê tài sản trong trường hợp cần thiết và kiểm tra đối chiếu số liệu giữa biên bản kiểm kê với thẻ tài sản, sổ kho, sổ kế toán... Nếu có chênh lệch phải điều chỉnh kịp thời đúng với kết quả kiểm kê trước khi lập báo cáo.

- Khóa sổ kế toán tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán

- Chuẩn bị mẫu biểu theo quy định và ghi trước các chỉ tiêu có thể (số đầu năm).

#### ❖ **Lập bảng cân đối kế toán**

- Cột “Số đầu năm”: Căn cứ vào cột “Số cuối năm” của bảng cân đối kế toán ngày 31/12 năm trước gần nhất để ghi vào các chỉ tiêu tương ứng. Cột “Số đầu năm” không thay đổi trong 4 kỳ báo cáo quý của năm nay.

- Cột “Số cuối năm” (Số cuối quý): Căn cứ vào số dư cuối kỳ của các sổ kế toán có liên quan đã được khóa sổ ở thời điểm lập báo cáo như sau:

➤ Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán có nội dung kinh tế phù hợp với số dư của các tài khoản (tài khoản cấp 1 hoặc tài khoản cấp 2) thì căn cứ trực tiếp vào số dư của các tài khoản liên quan để ghi vào các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo theo nguyên tắc

+Số dư Nợ của các tài khoản được ghi vào chỉ tiêu tương ứng trong phần tài sản.

+Số dư Có của các tài khoản được ghi vào chỉ tiêu tương ứng trong phần nguồn vốn.

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

➤ Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán có nội dung kinh tế liên quan đến nhiều tài khoản, nhiều chi tiết của tài khoản thì căn cứ vào các số dư của các tài khoản, các chi tiết có liên quan tổng hợp để lập.

➤ Một số chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán có nội dung kinh tế phù hợp với nội dung kinh tế của chi tiết các tài khoản mà các chi tiết đó có thể dư Nợ hoặc dư Có, khi lập báo cáo cần phải căn cứ vào số dư Nợ hoặc dư Có, khi lập báo cáo cần phải căn cứ vào số dư chi tiết của các tài khoản chi tiết để ghi. Tổng chi tiết dư Nợ thì ghi ở phần “Tài sản”, tổng chi tiết dư Có thì ghi ở phần “Nguồn vốn” không được bù trừ lẫn nhau giữa các chi tiết trong cùng 1 tài khoản.

➤ Tuy nhiên có 1 số tài khoản đặc biệt cần lưu ý khi lập bảng cân đối kế toán:

+ Các khoản dự phòng (TK 129, 139, 159, 229) và hao mòn tài sản cố định (214) tuy có số dư Có nhưng khi lập báo cáo vẫn được sử dụng số dư Có để ghi vào chi tiêu tương ứng trong phần “Tài sản” bằng số âm (quy định là ghi số tiền trong ngoặc đơn)

+ Các chỉ tiêu chênh lệch đánh giá lại tài sản (TK 412), chênh lệch tỷ giá (TK 413), lợi nhuận chưa phân phối (TK 421) nếu có số dư bên Có thì ghi bình thường, nếu có số dư bên Nợ thì phải ghi âm.

+ Khoản trả trước cho người bán và khoản đang nợ người bán, khoản người mua đang nợ và khoản người mua ứng trước tiền không được bù trừ khi lập bảng cân đối kế toán mà phải dựa vào từng chỉ tiêu phù hợp với quy định.

- Phương pháp lập các chỉ tiêu ngoài bảng: căn cứ trực tiếp vào số dư Nợ của các tài khoản loại 0 có liên quan để ghi vào chi tiêu tương ứng.

### ❖ Sau khi lập bảng cân đối kế toán

- Kiểm tra tính cân bằng và mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trong nội bộ bảng cân đối kế toán: TÀI SẢN = NGUỒN VỐN.

- Kiểm tra mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán với các báo cáo tài chính khác.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

- Kiểm tra nguồn số liệu và nội dung phản ánh các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán: Nguyên giá tài sản cố định, giá thực tế hàng tồn kho, kiểm tra các loại vốn bằng tiền, kiểm tra các khoản chi phí trả trước, kiểm tra các khoản chi phí chờ kết chuyển, kiểm tra các khoản chi phí phải trả, kiểm tra các khoản thanh toán với nhà cung cấp.

*1.2.3 Thực hiện công tác lập bảng cân đối kế toán:*

Công tác lập bảng cân đối kế toán gồm có 6 bước:

❖ Bước 1: Kiểm soát các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

- Trước khi lập bảng cân đối kế toán, phải phản ánh tất cả các chứng từ kế toán hợp pháp vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết có liên quan.

- Trước khi sử dụng thông tin trên hệ thống sổ sách để lập bảng cân đối kế toán, đơn vị phải thực hiện các biện pháp cụ thể để kiểm soát độ tin cậy của những thông tin ấy.

- Sắp xếp chứng từ kế toán theo trật tự thời gian diễn ra nghiệp vụ ấy.

- Đối chiếu nội dung kinh tế của chứng từ với nội dung của nghiệp vụ được phản ánh trong sổ.

- Kiểm soát quan hệ đối ứng tài khoản trong sổ.

- Kiểm soát ngày tháng trên chứng từ kế toán với ngày tháng trên chứng từ trên sổ.

- Kiểm soát quan hệ cân đối Nợ - Có.

❖ Bước 2: Khóa sổ kế toán tạm thời, thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian.

- Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian là việc ghi sổ kết chuyển số liệu từ các tài khoản trung gian thuộc nhóm 5, 6, 7, 8, 9 không có số dư vào các tài khoản liên quan khác

❖ Bước 3: Kiểm kê tài sản và lập biên bản xử lý kiểm kê

- Công tác kiểm kê tài chính thương được thực hiện vào cuối năm, cuối quý hoặc kiểm tra bất thường để giảm thiểu, đề phòng các sai phạm trong công tác

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

quản lý tài sản.

- Sau khi kiểm kê, nếu có chênh lệch giữa thực tế và sổ sách thì phải điều chỉnh cho phù hợp.

❖ Bước 4: Lập bảng cân đối số phát sinh các tài khoản.

- Trước khi lập bảng cân đối kế toán, công ty tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Bảng cân đối số phát sinh được lập nhằm mục đích kiểm tra tính cân đối giữa tổng số dư Nợ và tổng số dư Có cuối kỳ của các tài khoản.

- Bảng cân đối số phát sinh căn cứ vào số liệu trên Sổ cái của các tài khoản phát sinh trong kỳ. “Số dư đầu kỳ” và “Số dư cuối kỳ” của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh là “Số dư đầu kỳ” và “Số dư cuối kỳ” của các tài khoản trong Sổ cái. Số phát sinh Nợ và số phát sinh Có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh là tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của các tài khoản trong sổ cái.

- Sau khi lập xong phải đối chiếu lại “Số dư đầu kỳ”, “Số phát sinh trong kỳ”, “Số dư cuối kỳ” của các tài khoản thể hiện trên bảng cân đối số phát sinh với từng sổ cái, sổ chi tiết của các tài khoản.

❖ Bước 5: Khóa sổ kế toán chính thức, lập bảng cân đối kế toán và ghi vào mẫu bảng B01-DN.

- “Mã số” ghi ở cột 2 dùng để cộng khi lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất.

- Số hiệu ghi ở cột 3 “Thuyết minh” là số hiệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết của các chỉ tiêu này trong bảng cân đối kế toán.

- Số liệu ghi vào cột 5 “Số đầu năm” của bảng cân đối kế toán năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Số cuối năm” của từng chỉ tiêu tương ứng của bảng cân đối kế toán năm trước.

- Số liệu ghi vào cột 4 “Số cuối năm” của bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, cụ thể như sau:

**Phương pháp lập các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán**

**PHẦN “TÀI SẢN”**

**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (MÃ SỐ 100)**

Mã số 100 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150

**I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)**

Mã số 110 = Mã số 111 + Mã số 112

**1. Tiền (Mã số 111)**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, và tiền đang chuyển. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 111 “Tiền mặt”, TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”, TK 113 “Tiền đang chuyển” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

**2. Các khoản tương đương tiền (Mã số 112)**

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK 121 “Đầu tư chứng khoán ngắn hạn” trên sổ chi tiết TK 121.

**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120)**

Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 129

**1. Đầu tư ngắn hạn (Mã số 121)**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 121 “Đầu tư chứng khoán ngắn hạn” và TK 128 “Đầu tư ngắn hạn khác” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái sau khi trừ đi các khoản đầu tư ngắn hạn đã được tính các chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền”.

**2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Mã số 129)**

Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 129 “Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

### III. Các khoản phải thu (Mã số 130)

Mã số 130 = Mã số 131 + Mã số 132 + Mã số 133 + Mã số 134 + Mã số 138 + Mã số 139

#### 1. Phải thu khách hàng (Mã số 131)

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết TK 131 “Phải thu khách hàng” mở theo từng khách hàng trên sổ kế toán chi tiết TK 131.

#### 2. Trả trước cho người bán (Mã số 132)

Phản ánh số tiền đã trả trước cho người bán mà chưa nhận sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định, bất động sản đầu tư tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết TK 331 “Phải trả cho người bán” mở theo từng người bán trên sổ kế toán chi tiết TK 331.

#### 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (Mã số 133)

Phản ánh các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong các quan hệ thanh toán ngoài quan hệ giao vốn, có thời hạn thanh toán 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết TK 1368 “Phải thu nội bộ khác” trên sổ kế toán chi tiết TK 1368.

#### 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 134)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ TK 337 “Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng” trên Sổ cái.

#### 5. Các khoản phải thu khác (Mã số 138)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản phải thu khác từ các đối tượng liên quan tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 1385, TK 1388, TK 334, TK 338 trên sổ kế toán chi tiết.

#### 6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 139)

Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 139 “Dự phòng

phải thu khó đòi” trên sổ kế toán chi tiết.

#### IV. Hàng tồn kho (Mã số 140)

Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 149

##### 1. Hàng tồn kho (Mã số 141)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 151 “Hàng đang đi đường”, 152 “Nguyên liệu vật liệu”, 153 “Công cụ dụng cụ”, 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”, 155 “Thành phẩm”, 156 “Hàng hóa”, 157 “Hàng gửi đi bán”, và 158 “Hàng hóa kho bảo thuế” trên Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái.

##### 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149)

Số liệu chỉ tiêu này ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái

#### V. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 150)

Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152 + Mã số 154 + Mã số 158

##### 1. Chi phí trả trước ngắn hạn (Mã số 151)

Phản ánh số tiền đã thanh toán cho một số khoản chi phí nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 142 “Chi phí trả trước ngắn hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

##### 2. Thuế GTGT được khấu trừ (Mã số 152)

Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT còn được khấu trừ và số thuế GTGT còn được hoàn lại đến cuối năm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

##### 3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước (Mã số 154)

Chỉ tiêu này phản ánh thuế và các khoản khác nộp thừa cho Nhà nước tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết TK 333 “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước” trên sổ kế toán chi tiết.

##### 4. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 158)

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị tài sản ngắn hạn khác. Số liệu ghi vào chỉ tiêu

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

này là số dư Nợ TK 1381 “Tài sản thiếu chờ xử lý”, 141 “Tạm ứng”, 144 “Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

## B. TÀI SẢN DÀI HẠN (MÃ SỐ 200)

Mã số 200 = Mã số 210 + Mã số 220 + Mã số 240 + Mã số 250 + Mã số 260

### I. Các khoản phải thu dài hạn (Mã số 210)

Mã số 210 = Mã số 211 + Mã số 212 + Mã số 213 + Mã số 218 + Mã số 219

#### 1. Phải thu dài hạn của khách hàng (Mã số 211)

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng được xếp vào loại tài sản dài hạn tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào chi tiết số dư Nợ của TK 131 “Phải thu khách hàng” mở chi tiết theo từng khách hàng.

#### 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 212)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 1361 “Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc” trên sổ chi tiết TK 136.

#### 3. Phải thu dài hạn nội bộ (Mã số 213)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là chi tiết số dư Nợ của TK 1368 “Phải thu nội bộ khác” trên sổ chi tiết TK 1368.

#### 4. Phải thu dài hạn khác (Mã số 218)

Phản ánh các khoản phải thu khác từ các đối tượng có liên quan được xếp vào loại tài sản dài hạn, các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn và khoản ứng trước cho người bán dài hạn. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết các TK 138, 331, 338 trên sổ kế toán chi tiết các TK 1388, 331, 338.

#### 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (Mã số 219)

Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 139 “Dự phòng phải thu khó đòi” chi tiết dự phòng phải thu dài hạn khó đòi.

### II. Tài sản cố định (Mã số 220)

Mã số 220 = Mã số 221 + Mã số 224 + Mã số 227 + Mã số 230

#### 1. Tài sản cố định hữu hình (Mã số 221)



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định hữu hình tại thời điểm báo cáo.

Mã số 221 = Mã số 222 + Mã số 223

- Nguyên giá (Mã số 222): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Nợ TK 211 “Tài sản cố định hữu hình” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 223): Số liệu chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 2141 “Hao mòn tài sản cố định hữu hình” trên sổ kế toán chi tiết TK 2141.

2. Tài sản cố định thuê tài chính (Mã số 224)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định thuê tài chính tại thời điểm báo cáo.

Mã số 224 = Mã số 225 + Mã số 226

- Nguyên giá (Mã số 225): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Nợ TK 212 “Tài sản cố định thuê tài chính” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 226): Số liệu chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 2142 “Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính” trên sổ kế toán chi tiết TK 2142.

3. Tài sản cố định vô hình (Mã số 227)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định vô hình tại thời điểm báo cáo.

Mã số 227 = Mã số 228 + Mã số 229

- Nguyên giá (Mã số 228): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Nợ TK 213 “Tài sản cố định thuê tài chính” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 229): Số liệu chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 2143 “Hao mòn tài sản cố định vô hình” trên sổ kế toán chi tiết TK 2143

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 230)

Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 241 “Xây dựng cơ bản dở dang” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

III. Bất động sản đầu tư (Mã số 240)

Mã số 240 = Mã số 241 + Mã số 242

- Nguyên giá (Mã số 241): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 217 “Bất động sản đầu tư” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 242): Số liệu chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2147 “Hao mòn bất động sản đầu tư” trên sổ kế toán chi tiết TK 2147.

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 250)

Mã số 250 = Mã số 251 + Mã số 252 + Mã số 258 + Mã số 259

1. Đầu tư vào công ty con (Mã số 251)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 221 “Đầu tư vào công ty con” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (Mã số 252)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 222 “Vốn góp liên doanh” và 223 “Đầu tư vào công ty liên kết” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

3. Đầu tư dài hạn khác (Mã số 258)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm: Đầu tư trái phiếu, cho vay vốn... số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 228 “Đầu tư dài hạn khác” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 259)

Phản ánh các khoản dự phòng cho sự giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm báo cáo. Số liệu chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 229 “Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

V. Tài sản dài hạn khác (Mã số 260)

Mã số 260 = Mã số 261 + Mã số 262 + Mã số 268

1. Chi phí trả trước dài hạn (Mã số 261)

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí trả trước dài hạn nhưng chưa phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh đến cuối kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ TK 242 “Chi phí trả trước dài hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Mã số 262)

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ TK 243 “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

3. Tài sản dài hạn khác (Mã số 268)

Chỉ tiêu này dùng để phản ánh các khoản tiền doanh nghiệp đem ký quỹ, ký cược dài hạn và giá trị tài sản dài hạn khác. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ TK 244 “Ký quỹ, ký cược dài hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái.

**Tổng cộng tài sản (Mã số 270) = Mã số 100 + Mã số 200**

**PHẦN “NGUỒN VỐN”**

**A. NỢ PHẢI TRẢ (MÃ SỐ 300)**

Mã số 300 = Mã số 310 + Mã số 320

I. Nợ ngắn hạn (Mã số 310)

Mã số 310 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 + Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320

1. Vay và nợ ngắn hạn (Mã số 311)

Phản ánh tổng giá trị các khoản doanh nghiệp đi vay ngắn hạn các ngân hàng, công ty tài chính, các đối tượng khác và các khoản nợ ngắn hạn tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 311 “Nợ dài hạn đến hạn trả” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

2. Phải trả cho người bán (Mã số 312)

Phản ánh số tiền phải trả cho người bán có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc dưới 1 chu kỳ kinh doanh tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

này là tổng số dư Có chi tiết TK 331 “Phải trả cho người bán” trên sổ kế toán chi tiết TK 331.

3. Người mua trả tiền trước (Mã số 313)

Số liệu để chi tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 131 trên sổ kế toán chi tiết.

4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 314)

Phản ánh tổng số các khoản doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm báo cáo, bao gồm: Các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” trên sổ kế toán chi tiết TK 333.

5. Phải trả người lao động (Mã số 315)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 334 “Phải trả cho người lao động” trên sổ kế toán chi tiết TK 334.

6. Chi phí phải trả (Mã số 316)

Phản ánh giá trị các khoản đã tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 335 “Chi phí phải trả” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

7. Phải trả nội bộ (Mã số 317)

Phản ánh các khoản phải trả nội bộ ngắn hạn giữa đơn vị cấp trên và đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc trong doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư chi tiết TK 336 “Phải trả nội bộ” trên sổ chi tiết TK 336.

8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 318)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có TK 337 “Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Mã số 319)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác”, TK 138 “Phải thu khác” trên sổ kế toán chi tiết.

10. Dự phòng phải trả ngắn hạn (Mã số 320)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết TK 352 “Dự phòng phải trả” trên sổ kế toán chi tiết TK 352.

## II. Nợ dài hạn (Mã số 330)

Mã số 330 = Mã số 331 + Mã số 332 + Mã số 333 + Mã số 334 + Mã số 335 + Mã số 336 + Mã số 337

### 1. Phải trả dài hạn người bán (Mã số 331)

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền phải trả cho người bán được xếp vào loại nợ dài hạn tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết TK 331 mở theo từng người bán.

### 2. Phải trả dài hạn nội bộ (Mã số 332)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có TK 336 trên sổ kế toán chi tiết TK 336 (Chi tiết các khoản phải trả nội bộ được xếp vào loại nợ dài hạn)

### 3. Phải trả dài hạn khác (Mã số 333)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư có chi tiết TK 338 và TK 344 “Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái TK 344 và sổ kế toán chi tiết TK 338 (chi tiết phải trả dài hạn)

### 4. Vay và nợ dài hạn (Mã số 334)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư có TK 341 “Vay dài hạn”, 342 “Nợ dài hạn” và kết quả tìm được của số dư Có TK 3431 trừ dư Nợ TK 3432 cộng dư Có TK 3433 trên sổ kế toán chi tiết TK 343.

### 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Mã số 335)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 347 “Thuế thu nhập hoãn lại phải trả” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

### 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm (Mã số 336)

Chỉ tiêu này phản ánh quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 351 “Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

### 7. Dự phòng phải trả dài hạn (Mã số 337)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết TK 352 “Dự phòng phải

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

trả” trên sổ kế toán chi tiết TK 352 (Chi tiết các khoản dự phòng phải trả dài hạn).

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (MÃ SỐ 400)

Mã số 400 = Mã số 410 + Mã số 430

I. Vốn chủ sở hữu (Mã số 410)

Mã số 410 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415 + Mã số 416 + Mã số 417 + Mã số 418 + Mã số 419 + Mã số 420 + Mã số 421

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411)

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ vốn đầu tư (vốn góp) của chủ sở hữu vào doanh nghiệp như vốn đầu tư của Nhà nước (đối với công ty Nhà nước), vốn góp của các cổ đông (đối với công ty cổ phần)...Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4111 “Vốn đầu tư của chủ sở hữu” trên sổ kế toán chi tiết TK 4111.

2. Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)

Chỉ tiêu này phản ánh thặng dư vốn cổ phần ở thời điểm báo cáo của công ty cổ phần. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Có của TK 4112 “Thặng dư vốn cổ phần” trên sổ kế toán chi tiết TK 4112.

3. Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 4118 “Vốn khác ” trên sổ kế toán chi tiết TK 4118.

4. Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)

Chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 419 trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 415)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 412 “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 416)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

7. Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 417)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 414 “Quỹ đầu tư phát triển” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

8. Quỹ dự phòng tài chính (Mã số 418)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 415 “Quỹ dự phòng tài chính” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 419)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 418 “Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

10. Lợi nhuận chưa phân phối (Mã số 420)

Chỉ tiêu này phản ánh số lãi (lỗ) chưa được quyết toán hoặc chưa được phân phối tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Mã số 421)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 441 “Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

II. Nguồn kinh phí, quỹ khác (Mã số 430)

Mã số 430 = Mã số 431 + Mã số 432 + Mã số 433

1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi (Mã số 431)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 431 “Quỹ khen thưởng phúc lợi” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

2. Nguồn kinh phí (Mã số 432)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số chênh lệch giữa số dư Có TK 461 “Nguồn kinh phí sự nghiệp” với số dư Nợ TK 161 “Chi sự nghiệp” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (Mã số 433)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 466 “Nguồn kinh phí đã hình

thành TSCĐ” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – sổ cái.

**Tổng cộng nguồn vốn (Mã số 440) = Mã số 300 + Mã số 400**

**Tổng cộng tài sản (Mã số 270) = Tổng cộng nguồn vốn (Mã số 440)**

❖ **Bước 6: Kiểm tra bảng cân đối kế toán:** Sau khi lập bảng cân đối kế toán, kế toán trưởng công ty sẽ tiến hành kiểm tra sự cân đối lần cuối trước khi trình lên Giám đốc và các cơ quan quản lý. Nội dung kiểm tra, kiểm soát bảng cân đối kế toán bao gồm:

- Kiểm tra tính cân bằng và mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán. Đặc trưng nổi bật là tính cân bằng về mặt lượng giữa giá trị tài sản (Phần tài sản) với nguồn hình thành tài sản (Nguồn vốn): TÀI SẢN = NGUỒN VỐN.

- Kiểm tra mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán với các báo cáo khác.

- Kiểm tra nguồn số liệu và nội dung phản ánh của các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán.

- Có thể khái quát việc kiểm tra tính chính xác về quan hệ số liệu trên bảng cân đối kế toán như sau:

$A_{TS} = I + II + III + IV + V$	$A_{NV} = I + II$
$B_{TS} = I + II$	$B_{NV} = I + II$
Tổng TS = $A_{TS} + B_{TS}$	Tổng NV = $A_{NV} + B_{NV}$

#### 1.2.4 Phương pháp lập các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán gồm một số chỉ tiêu phản ánh những tài sản không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp đang quản lý hoặc sử dụng và một số chỉ tiêu bổ sung không thể phản ánh trong bảng cân đối kế toán.

##### 1. Tài sản thuê ngoài

- Phản ánh giá trị các tài sản doanh nghiệp thuê của các đơn vị, cá nhân khác để sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, không



## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

phải dưới hình thức thuê tài chính.

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này: dư Nợ trên Sổ cái của TK 001 “Tài sản thuê ngoài”.

### 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

- Phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa doanh nghiệp giữ hộ cho các đơn vị, cá nhân khác hoặc giá trị nguyên liệu, vật liệu doanh nghiệp nhận để thực hiện các hợp đồng gia công với các đơn vị, cá nhân khác.

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này: dư Nợ trên Sổ cái của TK 002 “Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công”.

### 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược

- Phản ánh giá trị hàng hóa doanh nghiệp nhận của các đơn vị, cá nhân bên ngoài để bán hộ hoặc bán được dưới hình thức ký gửi.

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này: dư Nợ trên Sổ cái của TK 003 “Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi”.

### 4. Nợ khó đòi đã xử lý

- Phản ánh giá trị các khoản phải thu đã mất khả năng thu hồi, doanh nghiệp đã xử lý xóa sổ nhưng phải tiếp tục theo dõi để thu hồi.

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này: dư Nợ trên Sổ cái TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý”.

### 5. Ngoại tệ các loại

- Phản ánh giá trị các loại ngoại tệ doanh nghiệp hiện có (tiền mặt, tiền gửi) theo nguyên tệ từng loại cụ thể. Mỗi loại nguyên tệ ghi 1 dòng.

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này: dư Nợ trên Sổ cái của TK 007 “Ngoại tệ các loại”.

### 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án

- Phản ánh số dự toán chi sự nghiệp, dự án được cơ quan có thẩm quyền giao và việc rút dự toán chi sự nghiệp, dự án ra sử dụng

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này: dư Nợ trên Sổ cái của TK 008 “Dự toán chi sự nghiệp, dự án”.

### 1.2.5 Công tác phân tích bảng cân đối kế toán

➤ Sự cần thiết của việc phân tích bảng cân đối kế toán.

Xuất phát từ nhu cầu thông tin về tình hình tài chính của chủ doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm khác, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán nhằm:

- Cung cấp thông tin về tài sản, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn, tài sản hiện có giúp chủ doanh nghiệp tìm ra những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại để có biện pháp thích hợp trong quá trình phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.

- Biết được mối quan hệ của các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán.

- Nắm rõ cơ cấu tài sản và nguồn hình thành tài sản.

- Cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư, các chủ nợ và những người sử dụng khác để họ có thể đưa ra các quyết định đúng đắn. Trên cơ sở đó có thể đề xuất biện pháp hữu hiệu và ra các quyết định cần thiết để nâng cao chất lượng công tác quản lý kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

### 1.3 Nội dung của phân tích bảng cân đối kế toán.

#### *Phương pháp phân tích*

**1. Phương pháp so sánh:** Là phương pháp xem xét một số chỉ tiêu phân tích bằng cách dựa trên việc so sánh với một số chỉ tiêu cơ sở (chỉ tiêu gốc). Để có thể tiến hành so sánh được cần xác định gốc để so sánh: Tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu mà lựa chọn gốc so sánh cho phù hợp. Gốc so sánh khi phân tích bảng cân đối kế toán thường là số đầu năm (đầu kỳ) hoặc so sánh với số liệu của đơn vị khác cùng điều kiện. Đây là phương pháp đơn giản và được sử dụng nhiều nhất trong phân tích hoạt động kinh doanh cũng như trong phân tích và dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực kinh tế vĩ mô.

Phương pháp so sánh sử dụng trong phân tích tài chính doanh nghiệp:

- So sánh giữa số thực hiện kỳ này với số thực hiện kỳ trước để thấy rõ xu hướng thay đổi về tài chính của doanh nghiệp, thấy được sự cải thiện hay xấu đi như thế nào để có biện pháp khắc phục trong kỳ tới.

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

- So sánh giữa số thực hiện với số kế hoạch để thấy mức độ phấn đấu của doanh nghiệp.

- So sánh giữa số thực hiện kỳ này với mức trung bình của ngành để thấy được tình hình tài chính của doanh nghiệp đang ở tình trạng tốt hay xấu, được hay chưa được so với các doanh nghiệp cùng ngành.

- So sánh theo chiều dọc để thấy được tỷ trọng của từng loại trong tổng hợp ở mỗi bản báo cáo. So sánh theo chiều ngang để thấy được sự biến đổi về cả số tương đối và số tuyệt đối của một khoản mục nào đó qua niên độ kế toán liên tiếp.

**2. Phương pháp tỷ lệ:** Là phương pháp xem xét một số chỉ tiêu phân tích bằng cách dựa trên việc tính toán các số liệu dưới dạng thương số và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp đồng thời có sự so sánh với chỉ tiêu trong cùng ngành để thấy sự khác biệt hay đặc trưng của doanh nghiệp nhằm đưa ra các giải pháp tài chính phù hợp. Đây là phương pháp có tính hiện thực cao với các điều kiện áp dụng ngày càng được bổ sung và hoàn thiện.

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp tỷ lệ yêu cầu phải xác định được các ngưỡng, các định mức để nhận xét, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, trên cơ sở so sánh các tỷ lệ của doanh nghiệp với các tỷ lệ tham chiếu.

Khi phân tích bảng cân đối kế toán người ta thường áp dụng các tỷ lệ sau, cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình tính toán hàng loạt:

- Tỷ lệ khả năng thanh toán: đánh giá khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

- Tỷ lệ khả năng cân đối vốn, nguồn vốn: phản ánh mức độ ổn định và tự chủ về tài chính.

- Tỷ lệ khả năng sinh lời: phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng hợp nhất của doanh nghiệp.

**3. Phương pháp cân đối:** Mô tả và phân tích các hiện tượng kinh tế và giữa chúng tồn tại sự cân bằng hoặc phải tồn tại sự cân bằng. Đó là sự cân bằng về

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

lượng giữa 2 mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh. Khi phân tích bảng cân đối kế toán thường sử dụng các mối quan hệ cân đối như sau:

- Sự cân bằng giữa tổng số tài sản và nguồn vốn hình thành.
- Sự cân bằng giữa nhu cầu sử dụng vốn với khả năng thanh toán.
- Sự cân bằng giữa nguồn huy động vật tư với nguồn sử dụng vật tư cho kinh doanh.

Phương pháp cân đối thường được kết hợp với phương pháp so sánh nhằm có được sự đánh giá toàn diện về tài chính.

Ngoài ra còn sử dụng thêm các phương pháp: thay thế liên hoàn, chênh lệch... và nhiều khi do đòi hỏi của quá trình phân tích yêu cầu cần phải sử dụng kết hợp các phương pháp với nhau để thấy được mối quan hệ giữa các chỉ tiêu. Qua đó, các nhà quản trị mới đưa ra được các quyết định đúng đắn, hợp lý nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*Nội dung phân tích bảng cân đối kế toán.*

➤ Phân tích cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn:

Để phân tích cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp cần xem xét đánh giá sự thay đổi giữa đầu kỳ so với cuối kỳ, đầu năm so với cuối năm, năm này so với năm khác để xác định tình hình tăng giảm từng chỉ tiêu tài sản và nguồn vốn trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào sự tăng giảm của tổng tài sản và tổng nguồn vốn của doanh nghiệp thì chưa thể thấy rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp. Vì vậy, cần phải phân tích mối quan hệ giữa các khoản mục của bảng cân đối kế toán dựa trên quan điểm luân chuyển vốn trong doanh nghiệp.

Việc xem xét từng khoản mục tài sản của doanh nghiệp trong tổng số để thấy được mức độ đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tùy theo các loại hình kinh doanh.

Đối với nguồn hình thành tài sản, cần xem xét tỷ trọng từng loại chiếm trong tổng số cũng như xu hướng biến động của chúng. Nếu nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cao trong tổng số nguồn vốn thì doanh nghiệp có đủ khả năng tự

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

bảo đảm về mặt tài chính và mức độ độc lập của doanh nghiệp với chủ nợ (ngân hàng, nhà cung cấp...) cao. Ngược lại, nếu công nợ phải trả chiếm chủ yếu trong tổng nguồn vốn (kể cả về số tương đối và số tuyệt đối) thì khả năng đảm bảo về mặt tài chính sẽ thấp. Điều này thể hiện qua bảng phân tích sau:

**Bảng 1.3:** Bảng phân tích cơ cấu & tình hình biến động tài sản

Chỉ tiêu	Đầu năm		Cuối năm		Cuối năm so với đầu năm	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>						
I. Tiền và các khoản tương đương tiền						
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn						
III. Các khoản phải thu ngắn hạn						
IV. Hàng tồn kho						
V. Tài sản ngắn hạn khác						
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>						
I. Các khoản phải thu dài hạn						
II. Tài sản cố định						
III. Bất động sản đầu tư						
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						
V. Tài sản dài hạn khác						
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>						

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

**Bảng 1.4:** Bảng phân tích cơ cấu & tình hình biến động nguồn vốn

Chỉ tiêu	Đầu năm		Cuối năm		Cuối năm so với đầu năm	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>						
I. Nợ ngắn hạn						
II. Nợ dài hạn						
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>						
I. Vốn chủ sở hữu						
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác						
III. Bất động sản đầu tư						
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>						

➤ Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh: Tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh có thể được biểu hiện qua bảng sau:

**Bảng 1.5:**

<b>Tổng số tài sản</b>	Tài sản cố định	- TSCĐ hữu hình - TSCĐ vô hình - TSCĐ thuê tài chính - Góp vốn liên doanh dài hạn - Đầu tư chứng khoán dài hạn - Đầu tư dài hạn khác	Nguồn vốn chủ sở hữu	Nguồn tài trợ thường xuyên	<b>Tổng số nguồn tài trợ</b>
	Tài sản lưu động	- Tiền - Nợ phải thu - Hàng tồn kho - Đầu tư ngắn hạn	- Vay (nợ) dài hạn - Vay (nợ) trung hạn		

Khi phân tích tình hình bảo đảm nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cần tính và so sánh tổng nhu cầu về tài sản (tài sản cố định và tài sản lưu động) với nguồn tài trợ thường xuyên. Nếu tổng số nguồn tài trợ thường xuyên có đủ hoặc lớn hơn tổng nhu cầu về tài sản thì doanh nghiệp cần sử dụng số thừa

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

này một cách hợp lý để tránh bị chiếm dụng vốn. Ngược lại, khi nguồn tài trợ thường xuyên không đủ đáp ứng nhu cầu về tài sản thì doanh nghiệp phải có biện pháp huy động vốn và sử dụng phù hợp (huy động nguồn tài trợ hợp pháp hoặc giảm quy mô đầu tư, tránh chiếm dụng vốn một cách bất hợp pháp).

➤ Phân tích chỉ tiêu vốn lưu động thường xuyên.

Một trong các nguyên tắc trong quản lý tài chính là doanh nghiệp phải dùng nguồn vốn dài hạn để hình thành tài sản cố định. Phần dư của nguồn vốn dài hạn và nguồn vốn ngắn hạn được đầu tư hình thành tài sản lưu động, được gọi là vốn lưu động thường xuyên.

Vốn lưu động thường xuyên = Nguồn vốn dài hạn – Tài sản cố định = Nguồn vốn ngắn hạn – Tài sản lưu động.

Kết quả tính toán xảy ra 1 trong 3 trường hợp sau:

- Trường hợp 1: Vốn lưu động thường xuyên  $> 0$ , nguồn vốn dài hạn dư thừa đầu tư vào tài sản cố định, phần dư thừa đó đầu tư vào tài sản lưu động. Đồng thời, tài sản lưu động  $>$  nguồn vốn ngắn hạn, do vậy khả năng thanh toán của doanh nghiệp tốt.

- Trường hợp 2: Vốn lưu động thường xuyên  $= 0$ , có nghĩa là nguồn vốn dài hạn đủ tài trợ cho tài sản cố định và tài sản lưu động, đủ cho doanh nghiệp trả cho các khoản nợ ngắn hạn, tình hình tài chính như vậy là lành mạnh.

- Trường hợp 3: Vốn lưu động thường xuyên  $< 0$ , nguồn vốn dài hạn không đủ để tài trợ cho tài sản cố định, doanh nghiệp phải đầu tư vào tài sản cố định một phần nguồn vốn ngắn hạn, tài sản lưu động không đáp ứng đủ nhu cầu thanh toán nợ ngắn hạn, cán cân thanh toán của doanh nghiệp mất thăng bằng, doanh nghiệp phải dùng một phần tài sản cố định để thanh toán nợ ngắn hạn đến hạn trả.

Ngoài khái niệm vốn lưu động thường xuyên được đề cập trên đây, trong phân tích tài chính người ta còn nghiên cứu chỉ tiêu nhu cầu vốn lưu động thường xuyên. Nhu cầu vốn lưu động thường xuyên là lượng vốn ngắn hạn mà doanh nghiệp cần phải tài trợ cho 1 phần tài sản lưu động, đó là hàng tồn kho và

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

các khoản phải thu (Tài sản lưu động không phải là tiền).

Nhu cầu vốn lưu động thường xuyên = Tồn kho và các khoản phải thu – Nợ ngắn hạn

➤ Phân tích các tỷ số tài chính chủ yếu

❖ Nhóm tỷ số về khả năng thanh toán: Tình hình tài chính của một doanh nghiệp được thể hiện rõ nét qua khả năng thanh toán. Nếu doanh nghiệp có khả năng thanh toán cao thì tình hình tài chính sẽ khả quan và ngược lại. Do vậy, khi đánh giá khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp không thể bỏ qua việc xem xét khả năng thanh toán, đặc biệt là khả năng thanh toán ngắn hạn. Để đo khả năng này, khi phân tích cần tính và so sánh các chỉ tiêu sau:

$$\text{Tỷ số thanh toán hiện hành} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Tỷ số này cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn phải thanh toán trong vòng 1 năm hay 1 chu kỳ kinh doanh là cao hay thấp. Nếu chỉ tiêu này lớn hơn hoặc bằng 1 thì doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và tình hình tài chính khả quan.

$$\text{Tỷ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Tỷ số thanh toán nhanh cho biết khả năng hoàn trả các khoản nợ ngắn hạn không phụ thuộc vào việc bán hàng tồn kho bởi hàng tồn kho có tính thanh khoản kém hơn cả vì phải mất thời gian và chi phí tiêu thụ thì mới có thể chuyển thành tiền, nhất là hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất.

❖ Nhóm tỷ số về năng lực hoạt động: Ngoài việc xem xét các tỷ số trên đây, để đánh giá được chính xác hơn, trong quá trình phân tích tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp, người ta còn phải xem xét tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền, nghĩa là phải tính vòng quay các khoản phải thu:

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu}}$$



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Trị giá vốn hàng bán}}{\text{Trị giá vốn bình quân hàng tồn kho}}$$

Hai tỷ số này phản ánh hàng tồn kho trước khi bán ra và số lần hàng tồn kho bình quân bán ra trong kỳ. Tỷ số vòng quay hàng tồn kho càng cao thể hiện tình hình bán ra càng tốt và ngược lại. Ngoài ra, tỷ số còn thể hiện tốc độ luân chuyển vốn của doanh nghiệp.

❖ Nhóm tỷ số về khả năng sinh lợi: Để đánh giá khả năng sinh lợi, nhà phân tích cần tính ra và so sánh các chỉ tiêu sau:

$$\text{Tỷ số sinh lợi trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Tỷ số này phản ánh cứ 1 đồng doanh thu thuần thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế. Sự biến động của hệ số này phản ánh sự biến động về hiệu quả hay ảnh hưởng của các chiến lược tiêu thụ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

$$\text{Tỷ số sinh lợi trên tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Giá trị tài sản bình quân}}$$

Tỷ số này phản ánh sức sinh lợi của cả vốn chủ sở hữu và vốn đi vay. Tỷ số này thể hiện tổng quát khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp:

$$\text{Tỷ số sinh lợi trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Tỷ số này đo lường mức lợi nhuận trên mức đầu tư của vốn chủ sở hữu doanh nghiệp. Các nhà đầu tư rất quan tâm đến tỷ số này, bởi đây là khả năng thu nhập mà họ có thể nhận được nếu họ quyết định bỏ vốn đầu tư vào 1 doanh nghiệp

Trong quá trình phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp để đưa ra những nhận định chính xác cần xem xét các tỷ số này dưới 3 góc độ sau: Một là khuynh hướng phát triển, hai là so sánh với tỷ số của các doanh nghiệp khác trong cùng ngành, ba là căn cứ vào những đặc điểm đặc thù của doanh nghiệp để đánh giá.

Điều này giúp nhà phân tích có cái nhìn tổng quát nhất về tài chính doanh nghiệp và các tỷ số tài chính sẽ là người dẫn đường cho các nhà quản trị nhận định về khuynh hướng tương lai của doanh nghiệp.

## **Chương II: THỰC TẾ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG**

### **CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ**

#### **VÀ THƯƠNG MẠI AN THẮNG**

#### **Giới thiệu chung về công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng**

##### *2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển công ty*

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng vốn là cửa hàng bán vật liệu: sắt thép, tôn mạ màu... thuộc công ty TNHH Thắng Thanh. Đến năm 2008 cửa hàng tách riêng và phát triển thành công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng theo giấy phép đăng ký kinh doanh số: 02030045511 cấp ngày 22 tháng 07 năm 2008 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng

Trụ sở giao dịch: Số 36 Nguyễn Văn Linh, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3571552

Fax: 031.3531395

Vốn điều lệ: 8.000.000.000 đồng

- Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

- Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: số cổ phần: 8.000 cổ phần, giá trị cổ phần đã góp: 8.000.000.000 đồng.

##### *2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty*

❖ Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sắt, thép, gang
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác.
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác.
- Bán buôn sắt, thép.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành( trừ vận tải bằng xe buýt).
- Vận tải hành khách bằng taxi.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

- Khách sạn.

- Nhà hàng, quán ăn.

❖ Quá trình cung cấp dịch vụ

- Qui trình và công nghệ sản xuất: công ty mua sắt thép, tôn cuộn... từ các đối tác lớn như công ty tôn Vinashin, công ty TNHH Poshaco Miền Bắc, công ty cổ phần Lilama Hà Nội... sau đó tùy theo nhu cầu của khách hàng, tôn cuộn được đưa qua máy ép thẳng, tạo sóng( loại 5 sóng, 6 sóng, 11 sóng...) để bán cho khách hàng.

- Công ty đầu tư hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại: máy cán tôn 5 sóng, 6 sóng, 11 sóng, máy cắt pha dải, máy xà gồ, máy in phun willet...

- Ngày nay cùng với sự phát triển của xã hội nói chung, ngành xây dựng nói riêng nên nhu cầu sử dụng sắt thép, tôn mạ màu trong xây dựng ngày càng cao. Nắm bắt được xu thế đó công ty đã vạch ra chiến lược kinh doanh; đồng thời phát triển xưởng tôn An Đông và mở rộng quy mô ra các huyện ngoại thành như Thủy Nguyên... Tuy nhiên vấn đề được đặt ra đó là sự cạnh tranh gay gắt của thị trường đòi hỏi công ty phải có những chính sách cụ thể để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

*Thuận lợi và khó khăn*

➤ Thuận lợi

- Môi trường kinh doanh hấp dẫn được tạo nên từ nền kinh tế thị trường, cộng với sự định hướng, điều chỉnh, tạo điều kiện của Nhà nước để thúc đẩy sự hình thành, phát triển các doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế, là những thuận lợi bước đầu quan trọng đối với một Công ty mới thành lập như An Thắng.

- Nhu cầu xây dựng, nhất là trong thời kỳ đất nước ta đang từng ngày đổi mới, không ngừng tăng cao là điều kiện hết sức thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh chủ yếu các sản phẩm kim loại( như: tôn, thép,...)

- Do tách ra hoạt động độc lập từ một công ty đã kinh doanh hiệu quả và có

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

uy tín trên thị trường trong gần 10 năm, Công ty CP Đầu tư và thương mại An Thắng có những lợi thế nhất định và có ưu thế cạnh tranh mà một công ty mới thành lập sẽ gặp nhiều khó khăn để tạo dựng.

- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ và tay nghề cao, có kinh nghiệm trong công tác quản lý và bán hàng xây dựng được mối quan hệ” công ty – khách hàng” lâu bền, tốt đẹp, tự giác khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, có sự đoàn kết thống nhất từ lãnh đạo đến những người lao động nên có một thế mạnh rất lớn về tiềm lực lao động đáp ứng quá trình mở rộng sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

➤ **Khó khăn**

- Bên cạnh những thành tựu đạt được đáng kể về mọi mặt, nền kinh tế thị trường với các quy luật đặc trưng của nó như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh,... đã tạo nên môi trường kinh doanh sôi động, hấp dẫn nhưng cũng đầy rủi ro và không kém phần khốc liệt.

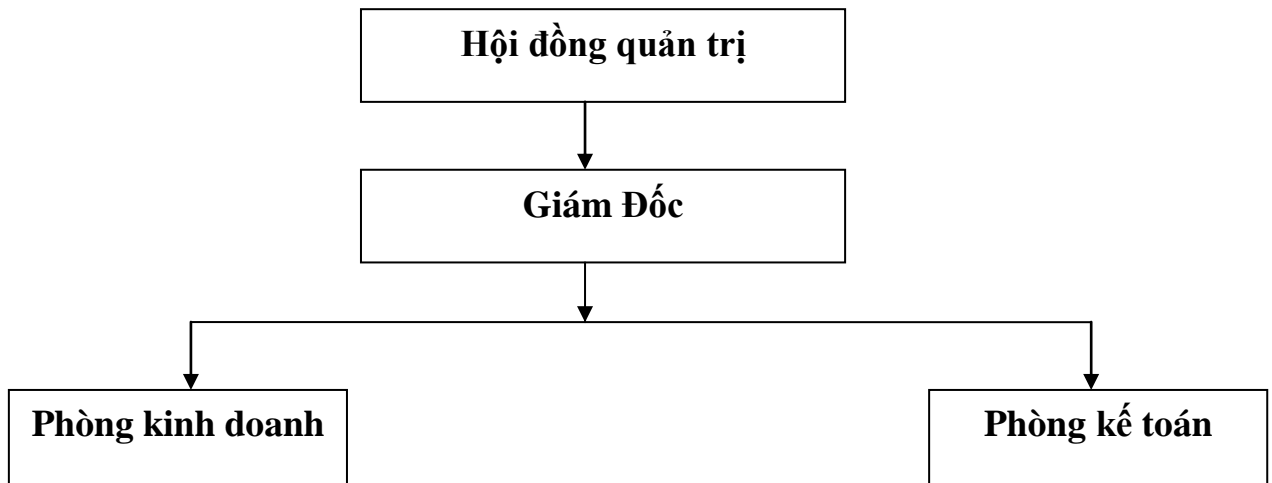
- Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực.

*Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban*

Để đảm bảo hoạt động của công ty có hiệu quả, đúng pháp luật, phát huy sức mạnh tập thể và của từng cá nhân đơn vị. Công ty đã bố trí tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh và chỉ đạo điều hành sản xuất theo sơ đồ:

Công ty CP đầu tư và thương mại An Thắng là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập. Bộ máy quản lý của công ty bao gồm HĐQT (03 thành viên), 01 Giám đốc, phòng kinh doanh, phòng kế toán.

**Biểu số 2.1:** Bộ máy quản lý công ty CPĐT và TM An Thắng



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

Chức năng nhiệm vụ của Giám đốc và các phòng ban:

- Giám đốc: do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với toàn công ty. Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong công ty, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

- Phòng kinh doanh: phụ trách công tác bán hàng, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách hàng, tìm kiếm thị trường, khách hàng, quan hệ khách hàng, tư vấn đầu tư mở rộng qui mô sản xuất theo chiều sâu.

- Phòng kế toán:

+ Thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ.

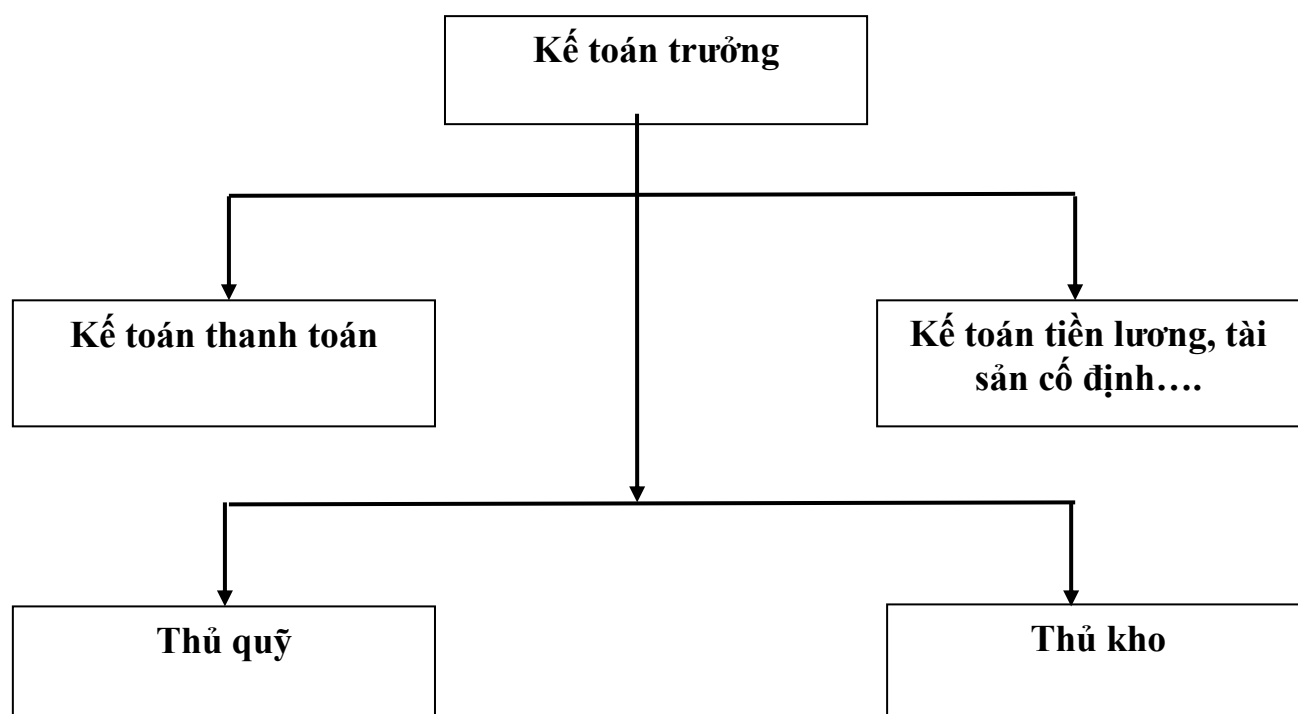
+ Phân tích, đánh giá tình hình tài chính hiện tại của công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề tài chính nhằm tham mưu cho Giám đốc đưa ra các quyết định về tài chính.

+ Kiểm tra việc kiểm kê định kỳ hàng năm để quản lý điều hành và phục vụ quyết toán tài chính, lập các báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lý của công ty.

*Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán*

- Xuất phát từ đặc điểm công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng hoạt động trong lĩnh vực thương mại, hoạt động chủ yếu là mua và bán sắt thép, tôn. Mặt khác công ty mới thành lập, qui mô thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ vì vậy tổ chức bộ máy kế toán của công ty khá đơn giản, bao gồm: 01 kế toán trưởng, 02 nhân viên kế toán( 01 kế toán thanh toán, người phụ trách tất cả các mảng còn lại: tiền lương và các khoản trích theo lương, theo dõi và trích khấu hao TSCĐ, theo dõi hàng tồn kho), 01 thủ kho chuyên theo dõi tình hình nhập, xuất hàng dưới kho, và 01 thủ quỹ:

Biểu số 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán công ty CPĐT và TM An Thắng:



- Kế toán trưởng: Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty. Là kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí, tính tổn doanh thu, xác định kết quả kinh doanh, lên các báo cáo. Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Giám đốc, là người chịu trách nhiệm cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.

- Kế toán thanh toán: Theo dõi tình hình thu chi tiền mặt. Theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình thanh toán các khoản nợ của Công ty.

- Nhân viên kế toán còn lại phụ trách tất cả các phân hành kế toán còn lại: quản lý, theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định, trích khấu hao tài sản cố định. Tính, trích lương và các khoản phải nộp theo lương, lập bảng thanh toán lương, thưởng cho từng phòng ban trong công ty.

+ Thủ quỹ: chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu chi tiền mặt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Kiểm kê, lập sổ quỹ theo qui định. Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

+ Thủ kho: quản lý, theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn hàng hóa trong kho

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

về mặt số lượng, đối chiếu với kế toán phụ trách theo dõi nhập- xuất- tồn hàng hóa trên sổ sách.

*Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty*

- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số:15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính.

- Hiện nay, công ty đang áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế gia trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Về tài sản cố định, công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Hình thức sổ sách kế toán: công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

+ Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

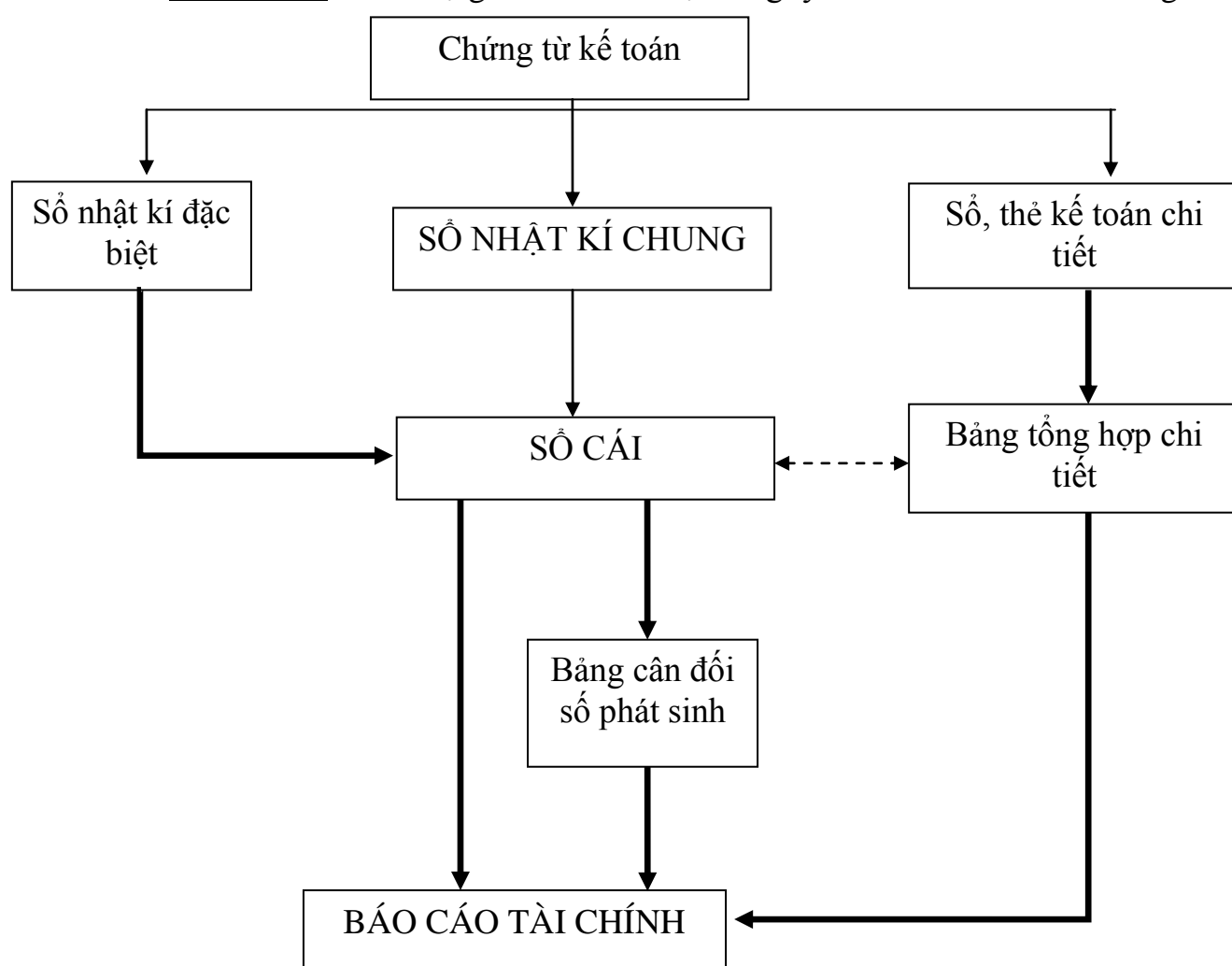
+ Hàng ngày, các chứng từ kế toán đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các TK kế toán phù hợp. Nếu có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời phải ghi vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan.

+ Trường hợp có mở sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ ghi vào sổ Nhật ký đặc biệt có liên quan. Định kỳ tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt lấy số liệu vào Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi vào nhiều Nhật ký đặc biệt.

+ Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Dưới đây là trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng:

Biểu số 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty CPĐT và TM An Thắng:



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kì:  $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

**Thực tế công tác lập, phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.**

*Quá trình lập bảng cân đối kế toán tại công ty*

Công tác chuẩn bị trước khi lập bảng cân đối kế toán tại công ty gồm các bước như sau:

- ❖ Bước 1: Kiểm soát nghiệp vụ ghi sổ kế toán phát sinh trong kỳ
  - Trước khi lập bảng cân đối kế toán, phải phản ánh tất cả các chứng từ kế



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

toán hợp pháp vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết có liên quan.

- Trước khi sử dụng thông tin trên hệ thống sổ sách để lập bảng cân đối kế toán, đơn vị phải thực hiện các biện pháp cụ thể để kiểm soát độ tin cậy của những thông tin ấy.

- Sắp xếp chứng từ kế toán theo trật tự thời gian diễn ra nghiệp vụ ấy.

- Đối chiếu nội dung kinh tế của chứng từ với nội dung của nghiệp vụ được phản ánh trong sổ.

- Kiểm soát quan hệ đối ứng tài khoản trong sổ.

- Kiểm soát ngày tháng trên chứng từ kế toán với ngày tháng trên chứng từ trên sổ.

- Kiểm soát quan hệ cân đối Nợ - Có.

**Ví dụ:** Ngày 31 tháng 12 năm 2009, mua tôn mạ màu và tôn mạ kẽm của công ty TNHH Poshaco Miền Bắc, tổng cộng tiền thanh toán 212.678.130 đồng (đã bao gồm VAT 5%), chưa thanh toán.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

**Biểu số 2.4:**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>QD/2009B</b>		
<b>Liên 2: Giao khách hàng</b>			<b>0046149</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Poshaco Miền Bắc .....					
Địa chỉ: Số nhà 12A- Khu T <sup>2</sup> Dịch vụ Nông Nghiệp, xã Mỹ Đình, H.Từ Liêm, Hà Nội.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:..... MST:0103676600.....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty CP đầu tư và thương mại An Thắng .....					
Địa chỉ: Số 36, đường Nguyễn Văn Linh, xã An Đông, An Dương, Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:..... C K..... MS: 0200831361 .....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2x1
01	Tôn mạ màu 0.3 .....	m	2500	45.500	113.750.000
02	Tôn mạ màu 0.35 .....	m	1500	52.100	78.150.000
03	Tôn mạ kẽm 0.46 .....	m	183	58.200	10.650.600
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....
Cộng tiền hàng: .....					202.550.600
Thuế suất GTGT: 10%x50%			Tiền thuế GTGT: .....		
					10.127.530
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					212.678.130
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm mười hai triệu, sáu trăm bảy tám nghìn, một trăm ba mươi đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần  
đầu tư và thương mại An Thắng

(Nguồn: Phòng kế toán- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng)

Biểu số 2.5:

**CÔNG TY CP ĐT VÀ THƯƠNG MẠI AN THẮNG**

Địa chỉ: 36 Nguyễn Văn Linh - An Dương – HP

**Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/12/09 đến ngày 31/12/09

Đơn vị tính: VNĐ

ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
12/5/2009	PT02	12/5/2009	Bán tôn mạ kẽm cho doanh nghiệp tư nhân Đức Thuận, đã tt bằng tiền mặt	632	672,581,130	
				156		672,581,110
				111	948,120,161	
				511		902,971,582
				3331		45,148,579
			.....			
12/31/2009	HD46149	12/31/2009	Mua tôn mạ màu, tôn mạ kẽm của công ty Poshaco Miền Bắc	156	202,550,600	
				133	10,127,530	
				331		212,678,130
12/31/2009	HD26801	12/31/2009	Bán tôn mạ kẽm cho công ty TNHH TM và SX Hùng Nam, chưa thanh toán	632	2,684,926,585	
				156		2,684,926,585
				131	2,362,596,848	
				511		2,250,092,236
				3331		112,504,612
			.....			
			Cộng phát sinh tháng 12		63,076,086,805	63,076,086,805

Ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI GHI SỔ**

Ký, họ tên

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Ký, họ tên

**GIÁM ĐỐC**

Ký, họ tên, đóng dấu

(Nguồn: Phòng kế toán- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

**Công ty CPĐT và Thương mại An Thắng**

**Địa chỉ: 36 Nguyễn Văn Linh - An Dương – HP**

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản: 331- Phải trả người bán**

**Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009**

Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký chung	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>				<b>14,225,307</b>
		.....				
12/27/2009	PC10/T12	Trả trước cho công ty TNHH thiết bị công nghiệp EC	50	111	6,336,000	
		.....				
12/31/2009	HD46149	Mua tôn mạ màu, tôn mạ kẽm của công ty TNHH Poshaco MB	57	156		202,550,600
				133		10,127,530
		.....				
		<b>Công phát sinh</b>			<b>3,968,811,167</b>	<b>26,861,360,392</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>295,888,963</b>	<b>23,202,663,495</b>

**Người lập biểu**  
( Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, ghi rõ họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**Giám đốc**  
( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6:

(Nguồn: Phòng kế toán- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

**CÔNG TY CP ĐT VÀ THƯƠNG MẠI AN THẮNG**

**Địa chỉ: số 36, đường Nguyễn Văn Linh, An Đông, An Dương, HP**

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2009**

Tên TK: Hàng hóa

SHTK: 156

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng 12</b>			<b>8,446,407,601</b>	
			Số phát sinh trong tháng				
			.....				
12/3/2009	HD 69502	12/3/2009	Bán tôn mạ màu cho công ty xi măng Hoàng Thạch	1	632		15,897,651
			.....				
12/16/2009	PN 0158	12/16/2009	Nhập tôn mạ kẽm của công ty Thăng Thanh	28	331	1,180,000,000	
			.....				
12/31/2009	HD 46149	12/31/2009	Nhập tôn mạ màu của công ty Poshaco Miền Bắc	57	112	191,900,000	
12/31/2009	HD 46149	12/31/2009	Nhập tôn mạ kẽm của công ty Poshaco Miền Bắc	57	112	10,650,600	
			.....				
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>13,503,974,627</b>	<b>20,338,953,193</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>1,611,429,035</b>	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.7:

(Nguồn: Phòng kế toán- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

Công ty CPĐT và Thương mại An Thắng  
Địa chỉ: 36 Nguyễn Văn Linh - An Dương – HP

Mẫu số S31-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: 331 - Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty TNHH Poshaco Miền Bắc

Loại tiền: VND

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có	Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>					<b>243,127,362</b>	
		Số phát sinh trong kỳ						
		.....						
12/31/2009	HD46149	Mua tôn mạ màu, tôn mạ kẽm của công ty TNHH Poshaco MB	156			202,550,600		
			133			10,127,530		
		<b>Công phát sinh</b>			<b>2,560,061,828</b>	<b>3,461,270,712</b>	<b>2,560,061,828</b>	<b>3,461,270,712</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>						<b>1,144,336,246</b>

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009  
Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.8:

(Nguồn: Phòng kế toán- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

Công ty CPĐT và Thương mại An Thắng

Địa chỉ: 36 Nguyễn Văn Linh - An Dương - HP

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

Tài khoản: 331 - Phải trả người bán

Năm: 2009

STT	Tên khách hàng	SDDK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP SX và KD Kim khí			86,069,709	48,763,209	37,306,500	
2	Công ty TNHH Thăng Thanh		891,234,087		8,414,390,543		9,305,624,630
	.....						
20	Công ty TNHH Poshaco MB		243,127,362	2,560,061,828	3,461,270,712		1,144,336,246
	.....						
	<b>Cộng</b>	<b>15,000,810</b>	<b>4,519,794,122</b>	<b>59,625,734,798</b>	<b>78,027,716,018</b>	<b>295,888,963</b>	<b>23,202,663,495</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**Giám đốc**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9:

(Nguồn: Phòng kế toán- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

❖ Bước 2: Khóa sổ kế toán tạm thời, thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian.

- Khóa sổ kế toán tạm thời các TK trung gian thuộc nhóm 5, 6, 7, 8, 9. Tính tổng số phát sinh bên Nợ và bên Có của các TK này phục vụ cho quá trình kết chuyển.

- Ghi sổ kết chuyển số liệu từ các TK trung gian thuộc nhóm 5, 6, 7, 8, 9 không có số dư vào các TK có liên quan khác.

- Các khoản chi phí được kết chuyển vào bên Nợ TK 911, các khoản doanh thu được kết chuyển vào bên có TK 911.

Dưới đây là các bước kết chuyển các TK trung gian tại Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng:

- Các khoản chi phí của công ty bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

(1). Kết chuyển giá vốn hàng bán: thực hiện bút toán kết chuyển từ bên Có TK 632 sang bên Nợ TK 911.

- Số kết chuyển là tổng số phát sinh bên Nợ trên Sổ cái TK 632 trừ đi số phát sinh bên Có của TK 632: 71.539.045.508 đồng.

(2). Kết chuyển chi phí bán hàng: thực hiện bút toán kết chuyển từ bên Có TK 641 sang bên Nợ TK 911.

- Số kết chuyển là tổng số phát sinh bên Nợ trên sổ cái TK 641: 777.154.113 đồng.

(3). Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp: thực hiện bút toán kết chuyển từ bên Có TK 642 sang bên Nợ TK 911.

- Số kết chuyển là tổng số phát sinh bên Nợ trên Sổ cái TK 642: 388.577.056 đồng.

Tổng các khoản chi phí của công ty là:  $A = 71.539.045.508 + 777.154.113 + 388.577.056 = 72.704.776.677$  đồng.

- Các khoản doanh thu của công ty bao gồm: doanh thu thuần về bán hàng, doanh thu từ hoạt động tài chính.



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

(4). Kết chuyển doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng: Thực hiện bút toán kết chuyển từ bên Nợ TK 511 sang bên Có TK 911.

- Số kết chuyển là tổng số phát sinh bên Có trên Sổ cái TK 511 trừ đi số phát sinh bên Nợ của TK 511: 74.727.512.312 đồng.

(5). Kết chuyển doanh thu từ hoạt động tài chính: Thực hiện bút toán kết chuyển từ bên Nợ TK 515 sang bên Có TK 911.

- Số kết chuyển là tổng số phát sinh bên Có trên Sổ cái của TK 515: 17.082.285 đồng.

Tổng các khoản doanh thu của công ty là:  $B = 74.727.512.312 + 17.082.285 = 74.744.594.597$  đồng.

Nếu  $A > B$  ta có bước 6:

(6). Kết chuyển lỗ: Phần chênh lệch giữa A và B sẽ được kết chuyển từ bên Có của TK 911 sang bên Nợ của TK 421.

Nhưng vì  $A < B \Rightarrow$  công ty có lãi, do đó phải thực hiện nghĩa vụ đóng thuế với Nhà nước:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) =  $(B - A) * 25\% = (74.744.594.597 - 72.704.776.677) * 25\% = 509.954.480$  đồng.

- Lợi nhuận sau thuế =  $B - A - \text{thuế TNDN} = 74.744.594.597 - 72.704.766.677 - 509.954.480 = 1.529.863.440$  đồng.

$\Rightarrow$  Ta có bước 7, 8:

(7). Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: thực hiện bút toán kết chuyển từ bên Có TK 821 sang bên Nợ TK 911.

- Số kết chuyển là tổng số phát sinh bên Nợ trên Sổ cái của TK 821: 509.954.480 đồng.

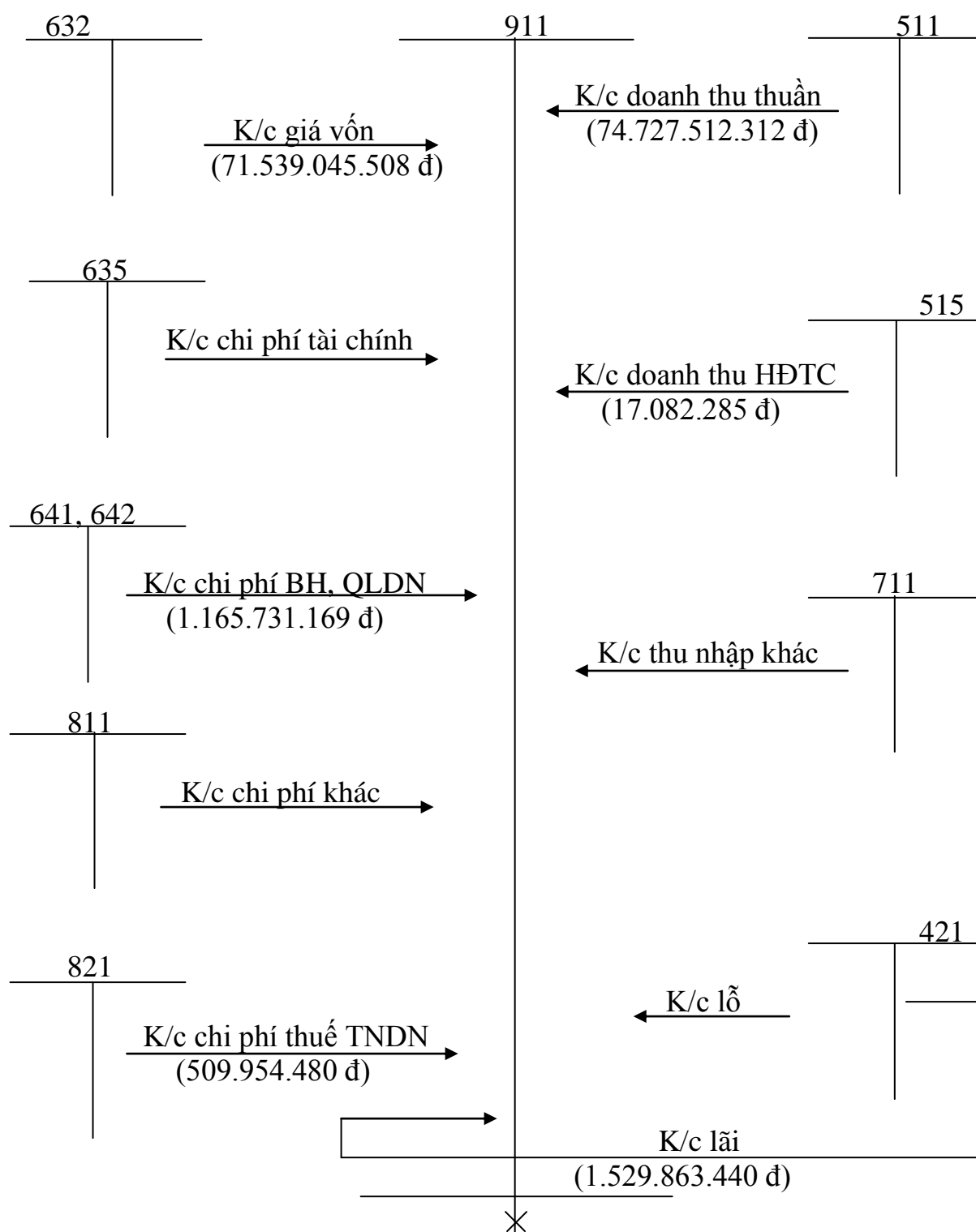
(8). Kết chuyển lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: thực hiện bút toán kết chuyển từ bên Nợ TK 911 sang bên Có TK 421.

- Số kết chuyển là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã tính được ở trên: 1.529.863.440 đồng.

Tài khoản 911 là tài khoản không có số dư nên: Tổng SPS Nợ = Tổng SPS Có = 74.744.594.597 đồng.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

Biểu số 2.10: Sơ đồ kết chuyển các TK trung gian:



❖ Bước 3: Kiểm kê tài sản và lập biên bản xử lý kiểm kê

- Công tác kiểm kê tài chính thường được thực hiện vào cuối năm, cuối quý hoặc kiểm tra bất thường để giảm thiểu, đề phòng các sai phạm trong công tác

quản lý tài sản.

- Sau khi kiểm kê, nếu có chênh lệch giữa thực tế và sổ sách thì phải điều chỉnh cho phù hợp.

❖ Bước 4: Lập bảng cân đối số phát sinh các tài khoản.

Lập bảng cân đối số phát sinh căn cứ vào số liệu trên Sổ cái của các TK phát sinh trong kỳ:

- Cột “Số dư đầu kỳ” là số dư đầu kỳ trên Sổ cái của các TK.

- Cột “Số dư cuối kỳ” là số dư cuối kỳ trên Sổ cái của các TK.

- Cột “Số phát sinh nợ” là tổng số phát sinh bên Nợ trên Sổ cái của các tài khoản.

- Cột “Số phát sinh có” là tổng số phát sinh bên Có trên Sổ cái của các tài khoản.

Sau khi lập xong, đối chiếu lại “Số dư đầu kỳ”, “Số phát sinh trong kỳ”, “Số dư cuối kỳ” của các tài khoản thể hiện trên bảng cân đối SPS với từng Sổ cái, số chi tiết của các tài khoản.

Biểu số 2.11:

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng**

**Công ty CPĐT và Thương mại An Thắng**

**Địa chỉ: 36 Nguyễn Văn Linh - An Dương – HP**

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006  
của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản: 111 - Tiền mặt**

**Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009**

Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký chung	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>11,147,409,934</b>	
12/2/2009	UNBC3	Nguyễn Thị Thanh - THANH nộp tiền vào tài khoản	01	112		410,000,000
		.....				
27/12/09	PT 148	Công ty CP Tân Dương Thịnh thanh toán tiền hàng	53	131	19,749,576	
27/12/09	PT 149	Công ty CP SX và TM Vĩnh Phát thanh toán tiền hàng	53	131	19,588,800	
27/12/09	PT 150	Công ty TNHH Thép Phan Hùng Cường thanh toán tiền hàng	54	131	15,005,760	
27/12/09	PT 151	Công ty TNHH Long The - CLT thanh toán tiền hàng	54	131	19,945,464	
27/12/09	PT 154	Công ty TNHH Bảy Bích - CBB thanh toán tiền hàng	54	131	19,496,400	
		.....				
30/12/09	UNCBC2	Nguyễn Thị Thanh - THANH nộp tiền vào tài khoản	57	11211		574,800,000
30/12/09	UNCBN1	Vũ Văn Pháp - PHAP rút tiền gửi về nhập quỹ	57	11211	442,810,000	
31/12/09	PC12/T12	A. Huy mua nút điều khiển Palawng	58	627		3,300,000
31/12/09	PC13/T12	Trả tiền thuê bãi công ty Tân Đại Đức	58	331		2,750,000
31/12/09	PT 155	Công ty CP hợp tác thương mại ASEAN thanh toán tiền hàng		131	7,927,500	

**Tổng phát sinh nợ: 4.065.056.923**  
**Tổng phát sinh có: 2.335.953.826**  
**Số dư nợ cuối kỳ: 12.876.513.031**

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI GHI SỔ

Biểu số 2.12:

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng**

**Công ty CPĐT và Thương mại An Thắng**

**Địa chỉ: 36 Nguyễn Văn Linh - An Dương – HP**

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản: 112 - Tiền gửi ngân hàng**

**Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009**

Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký chung	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>540,695,560</b>	
		.....				
		Số trang trước chuyển sang			8,851,132,544	8,278,913,900
30/12/09	UNC BN1	Vũ Văn Pháp - rút tiền về nhập quỹ	55	1111		442,810,000
30/12/09	UNC BN2	Trả tiền mua nước dung môi Công ty TNHH thiết bị công nghiệp EC	55	331		3,168,000
30/12/09	UNC BN2	Công ty TNHH thiết bị công nghiệp EC - phí chuyển tiền	55	64215		20,000
30/12/09	UNC BN2	Công ty TNHH thiết bị công nghiệp EC - phí chuyển tiền	55	1331		2,000
30/12/09	UNC BN3	Trả tiền nhập tôn mạ màu công ty CP Đại Thiên Lộc	55	331		367,831,500
		.....				
31/12/09	UNC BN1	Trả tiền nhập tôn mạ màu công ty CP thép Nam Kim	56	331		500,000,000
31/12/09	UNC BN1	Phí chuyển tiền	56	64215		250,000
31/12/09	UNC BN1	Phí chuyển tiền	56	1331		25,000
31/12/09	UNC VB	Phí MOBILE BANKING ngân hàng EXB - HP	56	64215		27,273
31/12/09	UNC VB	Phí MOBILE BANKING ngân hàng EXB - HP	56	1331		2,727
		<b>Công phát sinh</b>			<b>9,920,631,184</b>	<b>9,593,252,708</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>868,074,036</b>	

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**Giám đốc**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần  
đầu tư và thương mại An Thắng

**CÔNG TY CPĐT VÀ THƯƠNG MẠI AN THẮNG**

**Địa chỉ: 36 Nguyễn Văn Linh - An Dương - HP**

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2009

Tên TK: Phải trả công nhân viên

SHTK: 334

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng 12</b>				105,054,000
			Số phát sinh trong tháng				
			.....				
12/5/2009	PC 02/T12	12/5/2009	Trả lương T11/2009	2	111	105,054,000	
12/31/2009			Tính lương phải trả CNV T12	57	641		76,100,000
					642		22,500,000
			Các khoản trích theo lương	57	338	5,916,000	
			Thưởng CNV	57	431		2,750,000
			Phụ cấp	57	641		7,700,000
					642		2,350,000
			<b>Cộng phát sinh</b>			110,970,000	111,400,000
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				105,484,000

**NGƯỜI GHI SỔ**  
(Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
(ký, họ tên)

*Ngày 31 .tháng 12 năm 2009*  
**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13:

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng**

**Công ty CPĐT và Thương mại An Thắng**  
**Địa chỉ: 36 Nguyễn Văn Linh - An Dương – HP**

Mẫu số S03b-DN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006  
 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản: 632- Giá vốn hàng bán**

**Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009**

Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký chung	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kì</b>				
		Số phát sinh trong tháng				
		.....				
12/27/2009	HD 26791	Xuất kho bán tồn mạ màu cho công ty Vĩnh Phát	57	156	18,235,986	
		.....				
		Kết chuyển giá vốn, xác định KQKD	58	911		20,338,953,193
		Cộng phát sinh trong tháng			20,338,953,193	20,338,953,193
		Số dư cuối kì				

**Người lập biểu**  
 ( Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( Ký, ghi rõ họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**Giám đốc**  
 ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14:

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng**

**Công ty CPĐT và Thương mại An Thắng**  
**Địa chỉ: 36 Nguyễn Văn Linh - An Dương – HP**

Mẫu số S03b-DN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản: 511- Doanh thu bán hàng**  
**Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009**

*Đơn vị tính: VND*

Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký chung	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kì</b>				
		Số phát sinh trong tháng				
		.....				
12/27/2009	HD 26791	Bán tôn mạ màu cho công ty Vĩnh Phát, đã thu bằng tiền mặt	57	111		18,656,000
		.....				
		Kết chuyển doanh thu	58	911	22,378,771,113	
		Cộng số phát sinh tháng			22,378,771,113	22,378,771,113
		<b>Số dư cuối tháng 12</b>				

**Người lập biểu**  
 ( Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( Ký, ghi rõ họ tên)  
Biểu số 2.15:

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*  
**Giám đốc**  
 ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

Công ty CP ĐT và Thương mại An Thắng

Địa chỉ: 36 Nguyễn Văn Linh - An Dương – HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký chung	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>2,195,540,276</b>	<b>672,893,129</b>
		.....				
27/12/2009	HD26791	Bán tồn mạ màu cho công ty CPSX và TM Vĩnh Phát		511	18,656,000	
				3331	932,800	
		.....				
		<b>Công phát sinh</b>			<b>15,323,167,384</b>	<b>5,461,270,876</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>16,419,582,784</b>	<b>4,362,146,000</b>

Người lập biểu  
( Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
( Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009  
Giám đốc  
( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16:

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần  
đầu tư và thương mại An Thắng

Biểu số 2.17:

**CÔNG TY CPĐT VÀ THƯƠNG MẠI AN THẮNG**  
**Số 36 Nguyễn văn Linh - An Đông - An Dương**  
**- HP**

**Mẫu số B02 - DN**  
( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**Năm 2009**

*Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		74,727,512,312	12,319,236,846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		74,727,512,312	12,319,236,846
4. Giá vốn hàng bán	11		71,539,045,508	12,135,519,710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3,188,466,804	183,717,136
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		17,082,285	755,215
7. Chi phí tài chính	22			
8. Chi phí bán hàng	24		777,154,113	84,067,950
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		388,577,056	168,135,900
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ( 30 = 20 + ( 21 - 22) - ( 24 + 25)	30		2,039,817,920	(67,731,499)
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,039,817,920	(67,731,499)
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		509,954,480	
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ( 60 = 50 - 51 - 52)	60		1,529,863,440	(67,731,499)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
( Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN  
TRƯỞNG**  
( Ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

Sau khi lập xong các chỉ tiêu, Bảng cân đối tài khoản của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng tháng 12 năm 2009 như sau:

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

CÔNG TY CP ĐT VÀ THƯƠNG MẠI AN THẮNG

Mẫu số S06-DN

Số 36 Nguyễn Văn Linh- An Đông- An Dương- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/Q Đ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

Từ ngày: 01/01/09 đến ngày 31/12/09

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	D đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		D cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	111	Tiền mặt	568,096,393		38,203,207,256	25,894,790,618	12,876,513,031	
2	112	Tiền gửi ngân hàng	31,117,094		65,386,377,938	64,549,420,996	868,074,036	
3	131	Phải thu khách hàng	3,037,912,240	2,591,640	79,079,648,513	70,057,532,329	16,419,582,784	4,362,146,000
4	133	Thuế GTGT được khấu trừ			3,819,432,761	3,736,375,616	83,057,145	
7	138	Phải thu khác			274,690,075		274,690,075	
8	156	Hàng hoá	801,226,494		7,731,074,894	6,920,872,353	1,611,429,035	
9	211	Tài sản cố định	5,382,327,311				5,382,327,311	
10	214	Hao mòn TSCĐ		64,694,247		466,239,530		530,933,777
12	331	Phải trả người bán	15,000,810	4,519,794,122	59,625,734,798	78,027,716,018	295,888,963	23,202,663,495
13	3331	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	246,294,168		83,057,145	509,954,480		180,603,167
18	334	Phải trả CBCNV		98,326,000	1,245,892,000	1,253,050,000		105,484,000

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

20	338	Phải trả, phải nộp khác		9,300,000	8,700,000			600,000
22	411	Nguồn vốn kinh doanh		5,387,268,501		2,545,000,000		7,932,268,501
24	421	Lợi nhuận chưa phân phối				1,529,863,440		1,529,863,440
25	431	Quỹ khen thưởng , phúc lợi			33,000,000		33,000,000	
26	511	Doanh thu bán hàng và CC DVụ			74,727,512,312	74,727,512,312		
27	515	Doanh thu hoạt động tài chính			17,082,285	17,082,285		
28	632	Giá vốn hàng bán			71,539,045,508	71,539,045,508		
30	641	Chi phí bán hàng			777,154,113	777,154,113		
31	642	Chi phí quản lý			388,577,056	388,577,056		
32	911	Xác định kết quả kinh doanh			74,744,594,597	74,744,594,597		
		<b>Cộng</b>	10,081,974,510	10,081,974,510	477,684,781,251	477,684,781,251	37,844,562,380	37,844,562,380

Hải Phòng, ngày ... tháng ....năm

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

Biểu số 2.18:

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

❖ Bước 5: Khóa sổ kế toán chính thức, lập bảng cân đối kế toán và ghi vào mẫu bảng B01-DN.

Việc lập bảng cân đối kế toán năm 2009 dựa trên bảng cân đối kế toán năm 2008, bảng cân đối số phát sinh năm 2009, Sổ cái các tài khoản, Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản.

Dưới đây là tổ chức lập các chỉ tiêu ở phần chính trên bảng cân đối kế toán năm 2009 tại công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng:

- Cột “Số đầu năm”: Căn cứ vào cột “Số cuối năm” của bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008.

- Cột “Số cuối năm”: Căn cứ vào số dư cuối kỳ của các sổ kế toán có liên quan đã được khóa sổ ở thời điểm lập báo cáo như sau:

**PHẦN “TÀI SẢN”:**

A.TÀI SẢN NGẮN HẠN (MÃ SỐ 100) ( $100=110+120+130+140+150$ )

I.Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110) ( $110=111+112$ )

1. Tiền (Mã số 111): Để lập chỉ tiêu “Tiền” trên bảng cân đối kế toán, kế toán căn cứ vào sổ cái các TK 111 “Tiền mặt”, TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”.

Tổng số dư Nợ trên Sổ cái các TK 111, TK 112. Trong đó:

- Số dư Nợ trên Sổ cái TK 111 (Tiền mặt) là: 12.876.513.031 đồng.

- Số dư Nợ trên Sổ cái TK 112 (Tiền gửi ngân hàng) là: 868.074.036 đồng.

⇒ Mã 111 = 12.876.513.031 + 868.074.036 = 13.744.587.067 đồng.

2. Các khoản tương đương tiền (Mã số 112)

⇒ Mã 110 = 13.744.587.067 đồng

II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120)

III.Các khoản phải thu ngắn hạn (Mã số 130) ( $130=131+132+133+134+138+139$ )

1. Phải thu khách hàng (Mã số 131): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ trên Sổ cái của TK 131 “Phải thu khách hàng”: 16.419.582.784 đồng.

2. Trả trước cho người bán (Mã số 132): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

căn cứ vào số dư Nợ trên Sổ cái của TK 331 “Phải trả cho người bán”: 295.888.963 đồng.

3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (Mã số 133)
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 134)
5. Các khoản phải thu khác (Mã số 138)
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 139)

Mã số 130 = 16.419.582.784 + 295.888.963 = 16.715.471.747 đồng

IV. Hàng tồn kho (Mã số 140) (140 = 141 + 149)

1. Hàng tồn kho (Mã số 141): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ trên Sổ cái TK 156 “Hàng hóa”: 1.611.429.035 đồng.

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149):

=> Mã số 140 = 1.611.429.035 đồng

V. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 150) (150=151+152+154+158)

1. Chi phí trả trước ngắn hạn (Mã số 151)

2. Thuế GTGT được khấu trừ (Mã số 152): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ trên Sổ cái TK 133 “Thuế GTGT được khấu trừ”: Số tiền: 83.057.145 đồng.

3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Mã số 154)

4. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 158): Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ trên Sổ cái TK 138: Số tiền: 274.690.075 đồng.

Mã số 150 = 83.057.145 + 274.690.075 = 357.747.220 đồng.

Mã số 100 = 13.744.587.067 + 16.715.471.747 + 1.611.429.035 + 357.747.220 = 32.429.235.069 đồng

A. TÀI SẢN DÀI HẠN (MÃ SỐ 200) (200=210+220+240+250+260)

I. Các khoản phải thu dài hạn (Mã số 210) (210=211+212+213+218+219)

1. Phải thu dài hạn của khách hàng (Mã số 211)
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 212)
3. Phải thu dài hạn nội bộ (Mã số 213)
4. Phải thu dài hạn khác (Mã số 218)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (Mã số 219)

II. Tài sản cố định (Mã số 220) ( $220=221+224+227+230$ )

1. Tài sản cố định hữu hình (Mã số 221) ( $221=222+223$ )

- Nguyên giá (Mã số 222): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 211 trên Sổ cái. Số tiền: 3.627.327.311 đồng.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 223): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Có TK 2141 trên sổ kế toán chi tiết TK 2141. Số tiền: 435.871.277 đồng (Ghi âm).

Mã số 221 =  $3.627.327.311 + (-435.871.277) = 3.191.456.034$  đồng.

2. Tài sản cố định thuê tài chính (Mã số 224) ( $224=225+226$ )

3. Tài sản cố định vô hình (Mã số 227) ( $227=228+229$ )

- Nguyên giá (Mã số 228): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 213 trên Sổ cái. Số tiền: 1.755.000.000 đồng.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 229): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Có TK 2143 trên sổ kế toán chi tiết TK 2143. Số tiền: 95.062.500 đồng (Ghi âm).

Mã số 227 =  $1.755.000.000 + (-95.062.500) = 1.659.937.500$  đồng.

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 230)

Mã số 220 =  $3.191.456.034 + 1.659.937.500 = 4.851.393.534$  đồng.

III. Bất động sản đầu tư (Mã số 240)

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 250) ( $250=251+252+258+259$ )

1. Đầu tư vào công ty con (Mã số 251).

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (Mã số 252).

3. Đầu tư dài hạn khác (Mã số 258).

4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 259).

V. Tài sản dài hạn khác (Mã số 260)

Mã số 200 =  $4.851.393.534$  đồng.

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (MÃ SỐ 270) ( $270 = 100 + 200$ )

Mã số 270 =  $32.429.235.069 + 4.851.393.534 = 37.280.628.603$  đồng.

---

---

**PHẦN “NGUỒN VỐN”:**

**A. NỢ PHẢI TRẢ (MÃ SỐ 300) (300=310+330)**

**I. Nợ ngắn hạn (Mã số 310)**

(310=311+312+313+314+315+316+317+318+319+320)

1. Vay và nợ ngắn hạn (Mã số 311)
2. Phải trả người bán (Mã số 312): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có chi tiết TK 331. Số tiền: 23.202.663.495 đồng.
3. Người mua trả tiền trước (Mã số 313): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 131. Số tiền: 4.362.146.000 đồng.
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 314): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 333 trên Sổ cái. Số tiền: 180.603.167 đồng.
5. Phải trả người lao động (Mã số 315): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 334 trên Sổ chi tiết. Số tiền: 105.484.000 đồng.
6. Chi phí phải trả (Mã số 316)
7. Phải trả nội bộ (Mã số 317)
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 318)
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Mã số 319): Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có TK 338, TK 138 trên sổ kế toán chi tiết. Số tiền: 600.000 đồng.

10. Dự phòng phải trả ngắn hạn (Mã số 320)

Mã số 310 = 23.202.663.495 + 4.362.146.000 + 180.603.167 + 105.484.000 + 600.000 = 27.851.496.662 đồng.

**II. Nợ dài hạn (Mã số 330) (330=331+332+333+334+336+337)**

1. Phải trả dài hạn người bán (Mã số 331)
2. Phải trả dài hạn nội bộ (Mã số 332)
3. Phải trả dài hạn khác (Mã số 333)
4. Vay và nợ dài hạn (Mã số 334)
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Mã số 335)
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm (Mã số 336)



Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

MÃ SỐ 300 = 27.851.496.662 đồng.

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (MÃ SỐ 400) (400=410+430)

I. Vốn chủ sở hữu (Mã số 410)

(410=411+412+413+414+415+416+417+418+419+420+421)

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 411 trên sổ kế toán chi tiết. Số tiền: 7.932.268.501 đồng.

2. Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)

3. Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)

4. Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)

5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 415)

6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 416)

7. Quỹ đầu tư, phát triển (Mã số 417)

8. Quỹ dự phòng tài chính (Mã số 418)

9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 419)

10. Lợi nhuận chưa phân phối (Mã số 420): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Có của TK 421 trên sổ cái. Số tiền: 1.529.863.440 đồng.

11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Mã số 421)

Mã số 410 = 7.932.268.501 + 1.529.863.440 = 9.462.131.941 đồng.

II. Nguồn kinh phí, quỹ khác (Mã số 430) (430=431+432+433)

1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi (Mã số 431): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 431 trên sổ cái. Số tiền: - 33.000.000 đồng.

2. Nguồn kinh phí (Mã số 432)

3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (Mã số 433)

Mã số 400 = 9.462.131.941 + (- 33.000.000) = 9.429.131.941 đồng.

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (MÃ SỐ 440) = 27.851.496.662 + 9.429.131.941 = 37.280.628.603 đồng.

Sau khi lập xong các chỉ tiêu, Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần  
đầu tư và thương mại An Thắng

**Biểu số 2.19:**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
CÔNG TY CPĐT VÀ THƯƠNG MẠI AN THẮNG**

Mẫu số B01 – DN

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày  
20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Năm 2009

*Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>32,429,235,069</b>	<b>4,453,353,031</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13,744,587,067	599,213,487
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16,715,471,747	3,052,913,050
1. Phải thu của khách hàng	131		16,419,582,784	3,037,912,240
2. Trả trước cho người bán	132		295,888,963	15,000,810
3. Các khoản phải thu khác	135			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		1,611,429,035	801,226,494
1. Hàng tồn kho	141		1,611,429,035	801,226,494
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn khác	150		357,747,220	
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		83,057,145	
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		274,690,075	
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240)</b>	<b>200</b>		<b>4,851,393,534</b>	<b>5,317,633,064</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Phải thu dài hạn khác	218			
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4,851,393,534</b>	<b>5,317,633,064</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3,191,456,034	3,577,258,064
- Nguyên giá	222		3,627,327,311	3,627,327,311
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(435,871,277)	(50,069,247)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		1,659,937,500	1,740,375,000
- Nguyên giá	228		1,755,000,000	1,755,000,000

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95,062,500)	(14,625,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
1. Nguyên giá	241			
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư tài chính dài hạn	251			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài khác</b>	<b>260</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
2. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>37,280,628,603</b>	<b>9,770,986,095</b>
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>27,851,496,662</b>	<b>4,383,717,594</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27,851,496,662</b>	<b>4,383,717,594</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả cho người bán	312		23,202,663,495	4,519,794,122
3. Người mua trả tiền trước	313		4,362,146,000	2,591,640
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		180,603,167	(246,294,168)
5. Phải trả người lao động	315		105,484,000	98,326,000
6. Chi phí phải trả	316			
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		600,000	9,300,000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn khác	333			
3. Vay và nợ dài hạn	334			
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>9,429,131,941</b>	<b>5,387,268,501</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>9,462,131,941</b>	<b>5,387,268,501</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		7,932,268,501	5,455,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	419			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,529,863,440	(67,731,499)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-33,000,000</b>	
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-33,000,000	
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>37,280,628,603</b>	<b>9,770,986,095</b>

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

❖ Bước 6: Kiểm tra Bảng cân đối kế toán.

Sau khi lập bảng cân đối kế toán, kế toán trưởng công ty sẽ tiến hành kiểm tra sự cân đối lần cuối trước khi trình lên Giám đốc và các cơ quan quản lý. Nội dung kiểm tra, kiểm soát bảng cân đối kế toán bao gồm:

- Kiểm tra tính cân bằng và mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán. Đặc trưng nổi bật là tính cân bằng về mặt lượng giữa giá trị tài sản (Phần tài sản) với nguồn hình thành tài sản (Nguồn vốn): TÀI SẢN = NGUỒN VỐN = 37.280.628.603 đồng.

- Có thể khái quát việc kiểm tra tính chính xác về quan hệ số liệu trên bảng cân đối kế toán như sau:

$A_{TS} = I + II + III + IV + V =$ 32.429.235.069 đồng	$A_{NV} = I + II = 27.851.496.662$ đồng
$B_{TS} = I + II = 4.851.393.534$ đồng	$B_{NV} = I + II = 9.429.131.941$ đồng
Tổng TS = $A_{TS} + B_{TS} =$ 37.280.628.603 đồng	Tổng NV = $A_{NV} + B_{NV} =$ 37.280.628.603 đồng

*Công tác phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.*

Hiện nay công ty chưa thực hiện tổ chức phân tích Bảng cân đối kế toán. Do vậy để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh trong tương lai cũng như hoạt động tài chính trong doanh nghiệp cần thiết phải có quy trình phân tích báo cáo tài chính, đặc biệt “Bảng cân đối kế toán”.

**Chương III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN THẮNG.**

Để đáp ứng được xu thế phát triển và thích nghi với môi trường kinh doanh trong cơ chế thị trường hiện nay đòi hỏi các nhà quản lý, lãnh đạo doanh nghiệp luôn phải được cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình, nhằm đưa ra được các phương án kinh doanh và các chính sách quản lý cho phù hợp. Công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp vì thế mà trở thành một trong những công cụ quản lý hữu hiệu trong việc theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp giúp các nhà lãnh đạo đưa ra được những quyết định chính xác.

Doanh nghiệp có tổ chức tốt được công tác hạch toán kế toán thì doanh nghiệp đó mới luôn đảm bảo được chỗ đứng của mình trên thị trường nhất là trong thời kì hội nhập hiện nay. Vì vậy, cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán cũng ngày một được hoàn thiện và coi trọng hơn nhằm đáp ứng tốt hơn cho công tác quản lý.

Trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng, em nhận thấy trong công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán của công ty có một số ưu, nhược điểm như sau:

**Đánh giá ưu, nhược điểm trong công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán của Công ty CPĐT và thương mại An Thắng.**

*Những ưu điểm đã đạt được trong công tác kế toán của Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.*

➤ Tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, có sự phân công công việc rõ ràng. Các kế toán viên chịu sự kiểm tra, quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm với công việc của từng nhân viên kế toán.

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

- Đội ngũ nhân viên kế toán có năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc nhanh nhẹn, nghiêm túc.

- Công ty luôn cử cán bộ kế toán đi tập huấn và nắm bắt về mọi chính sách mới nhằm đảm bảo cho bộ máy kế toán của công ty luôn đạt hiệu quả và đúng với chuẩn mực, chế độ kế toán do Bộ tài chính quy định.

➤ Tổ chức hạch toán kế toán:

- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung nên đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

- Công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty nhìn chung đã thực hiện theo đúng chế độ quy định của Bộ tài chính.

➤ Lập bảng cân đối kế toán:

- Trước khi tiến hành lập bảng cân đối kế toán, kế toán tổng hợp đã tiến hành kiểm tra lại chứng từ, số liệu trên các sổ kế toán đảm bảo tính chính xác về nội dung và số liệu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Công tác kiểm tra tính chính xác, trung thực các nghiệp vụ kinh tế được tiến hành định kỳ giúp cho công tác lập Bảng cân đối kế toán của công ty được nhanh chóng, chính xác và phản ánh đúng tình hình hoạt động của công ty trong kỳ kế toán. Việc lập Bảng cân đối kế toán của công ty đảm bảo đúng thời gian, mẫu biểu theo quy định của Bộ tài chính.

- Quy trình lập Bảng cân đối kế toán năm nhìn chung hợp lý, phù hợp theo đúng nguyên tắc, phương pháp, trình tự của chuẩn kế toán số 21 về lập Bảng cân đối kế toán.

*Những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán của Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.*

- Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán, cụ thể là đã trang bị máy vi tính cho phòng kế toán. Song việc ứng dụng mới chỉ dừng lại ở việc tính toán, lưu trữ tài liệu, công tác kế toán vẫn còn dựa vào lối hạch toán thủ công truyền thống, vẫn chưa giảm bớt thời gian trong khâu lập sổ sách cũng

như các báo cáo kế toán.

- Trong Công ty kế toán trưởng đồng thời cũng là kế toán tổng hợp nên khối lượng công việc của kế toán trưởng là rất lớn. Vừa phải lập báo cáo tài chính và xác định kết quả kinh doanh của từng tháng, quý, năm cũng như thực hiện thanh toán với ngân sách Nhà nước về các khoản phải nộp; vừa phải quản lý tài chính, tài sản của Công ty... Với khối lượng công việc lớn như vậy sẽ không có nhiều thời gian cho công tác quản lý tài chính, tài sản làm cho việc thực hiện chiến lược phát triển lâu dài của Công ty bị hạn chế.

- Công tác phân tích tài chính: Công ty chưa thực sự coi trọng công tác phân tích tài chính. Sau khi lập bảng cân đối kế toán, công ty không tiến hành phân tích Bảng cân đối kế toán cũng như các chỉ tiêu tài chính: tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh... Như vậy, công ty đã bỏ qua một công cụ đắc lực phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động kinh doanh của mình. Bởi vì hơn ai hết, các nhà quản trị doanh nghiệp và các chủ doanh nghiệp cần có đủ thông tin và hiểu rõ doanh nghiệp của mình nhằm đánh giá tình hình tài chính đã qua, thực hiện cân bằng tài chính, khả năng thanh toán, sinh lợi, rủi ro, và dự đoán tình hình tài chính nhằm đề ra quyết định đúng đắn.

- Chế độ lương thưởng mới chỉ dừng lại ở mức độ khuyến khích người lao động đi làm đầy đủ chưa tác động tới năng suất và hiệu quả làm việc của người lao động.

- Năm 2009 công ty hoạt động có lãi, song lại chưa tiến hành bù lỗ năm 2008, và trích các quỹ năm 2009: quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, quỹ dự phòng phải thu khó đòi, quỹ khen thưởng phúc lợi.

Tóm lại, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, công ty đã đạt được những thành tích nhất định, tạo đà phát triển mở rộng hoạt động kinh doanh cho công ty trong tương lai. Vì vậy việc khắc phục những hạn chế sẽ làm cho công ty hoạt động tốt hơn, có hiệu quả hơn.

### **3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.**

Ý kiến thứ nhất: Ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán.

- Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm được áp dụng nhiều trong các hoạt động kinh tế, điều này mang lại hiệu quả to lớn, tính chính xác và tính hiệu quả kinh tế cao. Do vậy Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình doanh nghiệp mình, điều đó giúp góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức cho trong ghi sổ, tính toán số liệu. Các phần mềm kế toán đang được nhiều công ty sử dụng hiện nay như: Misa, Admin, Acsoft... Các phần mềm này có nhiều tiện ích, phù hợp với hoạt động của Công ty như: đơn giản, dễ sử dụng, tốc độ xử lý thông tin nhanh, dễ dàng phát hiện ra sai sót nếu có, đảm bảo độ chính xác của thông tin xử lý.

- Ngoài ra, sử dụng phần mềm kế toán sẽ giúp giảm bớt khối lượng công việc nên kế toán trưởng giúp kế toán trưởng có thêm thời gian phân tích, đưa ra những chiến lược phát triển lâu dài cho công ty.

Ý kiến thứ hai: Xây dựng chính sách khen thưởng hợp lý

- Công ty nên tổ chức phong trào thi đua và có các chính sách khen thưởng phù hợp đối với các cá nhân có thành tích tốt trong quá trình làm việc, có như vậy mới kích thích được tính hăng say, sáng tạo, hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao của nhân viên. Ví dụ: tính thưởng trên doanh thu bán hàng, thưởng cho nhân viên làm việc nhiệt tình, hiệu quả, có ý kiến đóng góp có giá trị cho công ty...

Ý kiến thứ ba: Thực hiện công tác phân tích tình hình tài chính thông qua các chỉ tiêu chủ yếu trên bảng cân đối kế toán.

- Xu thế phát triển chung hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp phải tiến hành phân tích tài chính. Những thông tin này giúp ích cho các nhà quản lý doanh nghiệp đánh giá đúng thực trạng của công ty, nắm vững tiềm năng, xác định chính xác hiệu quả kinh doanh.



## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

- Tuy nhiên, việc phân tích tình hình tài chính của công ty đòi hỏi phải mất nhiều thời gian, công sức và đòi hỏi người phân tích phải có trình độ chuyên môn cao. Vì vậy, công ty cần thực sự coi trọng công tác phân tích Báo cáo tài chính, tiến hành phân tích kỹ lưỡng và cụ thể hơn. Để công tác phân tích tình hình tài chính thông qua Bảng cân đối kế toán được tốt, nên thực hiện theo các bước sau:

### **Bước 1:** Lập kế hoạch phân tích.

- Xác định mục tiêu phân tích: Công ty cần xác định rõ mục tiêu phân tích Bảng cân đối kế toán.
- Xây dựng chương trình phân tích: Chương trình phân tích càng tỉ mỉ, chi tiết thì hiệu quả công tác phân tích càng cao. Khi xây dựng chương trình phân tích công ty cần nêu rõ những vấn đề sau:
  - + Xác định nội dung phân tích: Nội dung phân tích Bảng cân đối kế toán của công ty có thể bao gồm: phân tích cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, phân tích cơ cấu tài chính, phân tích hiệu quả sử dụng vốn, kết hợp với việc phân tích một số tỷ số tài chính quan trọng.
  - + Xác định thời gian thực hiện chương trình phân tích.
  - + Suu tầm tài liệu phục vụ cho công tác phân tích như Bảng cân đối kế toán của những năm gần nhất với năm phân tích, số liệu của doanh nghiệp cùng ngành, những thông tin kinh tế trong và ngoài nước liên quan đến nội dung phân tích... Những tài liệu này trước khi sử dụng phân tích cần được kiểm tra về tính trung thực hợp lý.
  - + Lựa chọn hệ thống phương pháp phân tích, tổ chức lực lượng cán bộ và phương tiện phân tích.

### **Bước 2:** Tiến hành phân tích Bảng cân đối kế toán.

- Xử lý tài liệu sưu tầm được, lập bảng phân tích số liệu, tính toán các chỉ tiêu, so sánh các chỉ tiêu đó qua các năm.
- Tiến hành phân tích: trên cơ sở các phương pháp phân tích đã lựa chọn ở

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

bước 1, tiến hành phân tích theo nội dung đã dự kiến.

- Tổng hợp kết quả và rút ra kết luận: sau khi phân tích, tiến hành lập các bảng đánh giá tổng hợp, đánh giá chi tiết.

- Trên cơ sở tổng hợp những kết quả đã phân tích cần rút ra những nhận xét, đánh giá những thành tích đạt được, những tồn tại cần khắc phục trong hoạt động tài chính.

Bước 3: Báo cáo kết quả phân tích.

- Báo cáo kết quả được trình bày, thuyết minh cho ban lãnh đạo công ty, lãnh đạo các phòng ban chức năng trong công ty để cùng trao đổi, thống nhất ý kiến trong báo cáo phân tích đó.

Dưới đây là nội dung chi tiết tiến hành trong phân tích tài chính về cơ bản.

Trên cơ sở mục tiêu và nguồn số liệu, bộ phận phân tích cần xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu phân tích. Tuy nhiên, hệ thống này không nên quá nhiều nhằm giảm bớt thời gian tính toán, việc phân tích cần đi vào chiều sâu, các chỉ tiêu cần bám sát mục tiêu cần phân tích. Đặc biệt cần chú trọng những chỉ tiêu có sự biến đổi lớn (mang tính bất thường) và những chỉ tiêu quan trọng phải bám sát thực tế của công ty và các chỉ tiêu phân tích có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm tránh việc kết luận một cách phiến diện, thiếu chính xác.

Phân tích cơ cấu và sự biến động của tài sản, nguồn vốn là đánh giá tình hình phân bổ cũng như sự thay đổi của tài sản, nguồn vốn công ty có hợp lý hay không? Từ đó công ty có thể đưa ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp, giúp cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty càng hiệu quả hơn. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán năm 2009, ta lập bảng phân tích cụ thể như sau:

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

Biểu số 3.1: Phân tích cơ cấu và sự biến động tài sản

Tài sản	Đầu năm		Cuối năm		Cuối năm so với đầu năm	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>4.453.353.031</b>	<b>45,58</b>	<b>32.429.235.069</b>	<b>86,99</b>	<b>27.975.882.038</b>	<b>6.28</b>
I. Tiền	599.213.487	6,13	13.744.587.067	36,87	13.145.373.580	21.9
II. Các khoản ĐTTTC ngắn hạn						
III. Các khoản phải thu	3.052.913.050	31,24	16.715.471.747	44,84	13.662.558.697	4.48
IV. Hàng tồn kho	801.226.494	8,2	1.611.429.035	4,32	810.202.541	1.01
V. Tài sản ngắn hạn khác			357.747.220	0,96	357.747.220	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>5.317.633.064</b>	<b>54,42</b>	<b>4.851.393.534</b>	<b>13,01</b>	<b>-466.239.530</b>	<b>-0.09</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn						
II. Tài sản cố định	5.317.633.064	54,42	4.851.393.534	13,01	-466.239.530	-0.09
III. Bất động sản đầu tư						
IV. Các khoản ĐTTTC dài hạn						
V. Tài sản dài hạn khác						
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>9.770.986.095</b>	<b>100</b>	<b>37.280.628.603</b>	<b>100</b>	<b>27.509.642.508</b>	<b>2.82</b>

Qua bảng phân tích trên em có một số nhận xét sau: Tổng tài sản của công ty năm 2009 là 37.280.628.603 đồng, tăng 27.509.642.508 đồng. Tổng tài sản tăng là do tốc độ tăng tài sản ngắn hạn nhanh hơn tốc độ giảm của tài sản dài hạn.

Tài sản ngắn hạn của công ty năm 2008 là 4.453.353.031 đồng chiếm 45.58% tổng tài sản. Năm 2009, tài sản ngắn hạn là 32.429.235.069 đồng chiếm tỷ trọng là 86.99% tổng tài sản, tăng so với năm 2008 là 27.975.882.038 đồng chiếm 101.69%. Tài sản ngắn hạn tăng lên chủ yếu là do vốn bằng tiền tăng.

Chỉ tiêu tiền của công ty cuối năm 2009 đã tăng lên đáng kể so với năm 2008 là 13.145.373.580 đồng chiếm 47.78%. Sở dĩ vốn bằng tiền tăng vào thời điểm cuối năm là do nguồn tiền thu hồi công nợ của khách hàng cuối năm nhiều, nhưng chưa sử dụng nên số dư lớn.

Năm 2008, các khoản phải thu là 3.052.913.050 đồng, chiếm 31.24% tổng tài sản. Năm 2009, các khoản phải thu là 16.715.471.747 đồng, chiếm 44.84%.

Việc tăng tài sản ngắn hạn chủ yếu là do tăng tiền mặt và các khoản phải thu.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

Công ty nên có chính sách sử dụng tiền mặt một cách hợp lý không nên để quá nhiều tiền mặt nhàn rỗi. Đồng thời, công ty cũng cần chú ý hơn trong công tác thu hồi nợ.

Lượng hàng tồn kho có xu hướng giảm tỷ trọng. Năm 2008, hàng tồn kho của công ty là 801.226.494 đồng chiếm 8.2% tổng tài sản. Mặc dù năm 2009, hàng tồn kho của công ty tăng lên là 1.611.429.035 đồng nhưng chỉ chiếm 4.32% tổng tài sản.

Tài sản ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng tài sản ngắn hạn. Năm 2009 chỉ tiêu này đạt 357.747.220 đồng chiếm tỷ trọng 0.96% trên tổng tài sản.

Trong tổng tài sản, tài sản dài hạn năm 2009 chiếm tỷ trọng tương đối thấp so với tài sản ngắn hạn. Năm 2009, tài sản dài hạn có xu hướng giảm cả số tuyệt đối lẫn tỷ trọng. Tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định.

**Biểu số 3.2:** Phân tích cơ cấu và sự biến đổi nguồn vốn

Nguồn vốn	Đầu năm		Cuối năm		Cuối năm so với đầu năm	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>4,383,717,594</b>	<b>44.86</b>	<b>27,851,496,662</b>	<b>74.71</b>	<b>23,467,779,068</b>	<b>5.35</b>
I. Nợ ngắn hạn	4,383,717,594	44.86	27,851,496,662	74.71	23,467,779,068	5.35
2. Phải trả người bán	4,519,794,122	46.26	23,202,663,495	62.24	18,682,869,373	4.13
3. Người mua trả tiền trước	2,591,640	0.03	4,362,146,000	11.7	4,359,554,360	1.68
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	(246,294,168)	-2.52	180,603,167	0.48	426,897,335	1.73
5. Phải trả người lao động	98,326,000	1.01	105,484,000	0.28	7,158,000	0.07
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9,300,000	0.10	600,000	0.002	-8,700,000	-0.94
II. Nợ dài hạn						
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>5,387,268,501</b>	<b>55.14</b>	<b>9,429,131,941</b>	<b>25.29</b>	<b>4,041,863,440</b>	<b>0.75</b>
I. Vốn chủ sở hữu	5,387,268,501	55.14	9,462,131,941	25.38	4,074,863,440	0.76
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5,455,000,000	55.83	7,932,268,501	21.28	2,477,268,501	0.45
2. Thặng dư vốn cổ phần						
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(67,731,499)	-0.69	1,529,863,440	4.1	1,597,594,939	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-33,000,000	-0.089	-33,000,000	
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			-33,000,000	-0.089	-33,000,000	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>9,770,986,095</b>	<b>100.00</b>	<b>37,280,628,603</b>	<b>100.00</b>	<b>27,509,642,508</b>	<b>2.82</b>

Qua bảng phân tích cơ cấu và sự biến động nguồn vốn, ta có thể đánh giá

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

được năng lực tài chính của công ty. Năm 2009 nợ phải trả là 27.851.496.662 đồng chiếm 74.71% tổng nguồn vốn, tăng 23.467.779.068 đồng so với năm 2008. Vốn chủ sở hữu cũng tăng lên 9.429.131.941 đồng nhưng chỉ chiếm 25.29% tổng nguồn vốn vào năm 2009. Nợ phải trả tăng chủ yếu do tăng các khoản phải trả người bán. Điều này cho thấy tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty còn chưa cao.

Năm 2008, nợ phải trả chiếm tỷ trọng là 44.86% trong tổng nguồn vốn trong đó toàn bộ là nợ ngắn hạn. Năm 2009, tỷ lệ trên là 74.71% tổng nguồn vốn. Vậy so với năm 2008 nợ ngắn hạn năm 2009 tăng lên 23,467,779,068 đồng.

Trong nợ ngắn hạn, phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2008, phải trả người bán là 4.519.794.122 đồng chiếm 46.26%. Đến năm 2009, phải trả người bán tăng lên 23.202.663.495 đồng chiếm tỷ trọng 62.24% tổng nguồn vốn. Chứng tỏ uy tín của doanh nghiệp trên thị trường là khá tốt.

Nhìn vào bảng phân tích cơ cấu và sự biến động nguồn vốn ta thấy vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng thấp hơn so với nợ phải trả của công ty.

Năm 2008 là năm đi vào hoạt động đầu tiên của doanh nghiệp, doanh nghiệp bị lỗ 67.731.499 đồng. Đến năm 2009, các cổ đông tiếp tục hoàn thành phần vốn điều lệ cam kết góp làm cho vốn chủ sở hữu tăng lên 7.932.268.501 đồng.

Nhìn vào Bảng cân đối kế toán của công ty ta thấy số liệu có sự thay đổi đáng kể giữa đầu năm và cuối năm. Có thể thấy nguyên nhân chính dẫn đến sự thay đổi này là do công ty mới đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2008, tức là đến hết năm 2008 công ty mới chỉ hoạt động được 4 tháng và đang trong quá trình hoàn thiện. Đến năm 2009, công ty hoạt động hiệu quả hơn và bắt đầu có lãi. Sự thay đổi này là hoàn toàn phù hợp với tất cả các doanh nghiệp khi mới bắt đầu sản xuất, kinh doanh.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

Phân tích khả năng thanh toán và một số chỉ tiêu tài chính khác của công ty:

Biểu số 3.3:

Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Cuối năm so với đầu năm
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.02	1.16	0.14
2. Hệ số thanh toán hiện hành	2.23	1.34	-0.89
3. Hệ số thanh toán nhanh	0.83	1.11	0.28
4. Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	-0.01	0.16	0.17
5. Hệ số tự tài trợ (VCSH/NV)	0.55	0.25	-0.3

Hệ số thanh toán ngắn hạn cho biết mối quan hệ tương đối giữa tài sản ngắn hạn với nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán ngắn hạn của công đầu năm là 1.02 đến cuối năm là 1.16. Điều này cho thấy đầu năm có 1.02 đồng tài sản ngắn hạn đảm bảo cho 1 đồng nợ đến hạn trả, tỷ lệ này đến cuối năm 2009 là 1.16 đồng tài sản ngắn hạn đảm bảo cho 1 đồng nợ đến hạn trả.

Hệ số thanh toán nhanh thể hiện quan hệ giữa các loại tài sản ngắn hạn có khả năng chuyển đổi nhanh thành tiền để thanh toán nợ ngắn hạn. Tức là qua hệ số này xem doanh nghiệp có đảm bảo thanh toán kịp thời các khoản nợ ngắn hạn hay không. Qua bảng phân tích trên ta thấy hệ số này cuối năm tăng so với đầu năm 0.28 lần. Tỷ lệ này tăng lên chứng tỏ công ty không gặp khó khăn trong việc thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn. Công ty đảm bảo được uy tín của mình đối với các tổ chức tín dụng.

Hệ số thanh toán hiện hành phản ánh khả năng thanh toán chung của công ty. Nó cho biết với toàn bộ giá trị tài sản hiện có, doanh nghiệp có bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp hay không. Hệ số thanh toán hiện hành cuối năm giảm 0.89 so với đầu năm, do công ty đã huy động thêm vốn từ bên ngoài.

Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu của công ty quá thấp. Qua tỷ số trên ta thấy cứ 1 đồng vốn chủ bỏ ra mang lại chưa được 1 đồng lợi nhuận, thậm chí đầu năm còn bị lỗ. Chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn của công ty còn thấp. Muốn

## Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

tăng lợi nhuận công ty cần phải nghiên cứu thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng mới, giảm bớt chi phí..

Hệ số tự tài trợ của công ty cuối năm giảm nhiều so với đầu năm, chứng tỏ mức độ độc lập về mặt tài chính của công ty cũng ngày càng giảm.

Như vậy, qua việc phân tích các hệ số tài chính giúp ta thấy được khái quát nhất tình hình tài chính của công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng trong năm 2009 vừa qua. Nợ phải thu của công ty là: 16.715.471.747 đồng (chiếm 44.84%) và nợ phải trả là: 27.851.496.662 đồng (chiếm 74.71%). Cả 2 con số đều rất lớn, đặc biệt là nợ phải trả. Công ty nên tích cực đôn đốc thu hồi nợ của khách hàng để thanh toán kịp thời các khoản phải trả để giữ uy tín đối với bạn hàng. Mặt khác, nếu công ty cứ để tình trạng chiếm dụng vốn kéo dài, công ty sẽ mất tính tự chủ trong hoạt động kinh doanh. Và đến khi không còn khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, doanh nghiệp sẽ dẫn tới tình trạng phá sản.

*Ý kiến thứ tư: công ty nên tiến hành bù lỗ theo quy định và trích các quỹ dự phòng: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng phải thu khó đòi...*

Những năm 2008, 2009 là năm đầy biến động đối với thị trường tôn, sắt, thép..trên thế giới và Việt Nam. Giá những vật liệu trên thường xuyên có sự biến đổi đến chóng mặt, điều này gây ra rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực này. Không loại trừ khả năng bị ảnh hưởng công ty nên tiến hành trích khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho để phần nào giải quyết những rủi ro đáng tiếc xảy ra trong quá trình hoạt động.

Vì hoạt động chính của công ty là hoạt động thương mại, vì vậy việc bán hàng chịu hàng cho các khách hàng thường xuyên và quen thuộc là điều không tránh khỏi. Tuy nhiên, việc bán chịu này cũng chứa đựng rất nhiều rủi ro đối với công ty. Lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ phần nào giúp công ty giải quyết tạm thời những khó khăn do vấn đề này gây ra.

Theo thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp thì năm 2010 công ty chú ý một số điểm sau:

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng

---

- Bổ sung TK 5118 – Doanh thu khác.

- Bổ sung TK 3389 – Bảo hiểm thất nghiệp.

- Đổi số hiệu TK 431 – Quỹ khen thưởng, phúc lợi thành TK 353, đồng thời đổi số hiệu TK 4311 – Quỹ khen thưởng thành TK 3531, TK 4312 – Quỹ phúc lợi thành TK 3532, TK 4313 – Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ thành TK 3533. Bổ sung TK 3534 – Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty.

- Bổ sung tài khoản 356 – Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Các chỉ tiêu trên được sửa đổi, bổ sung trên bảng cân đối kế toán như sau:

- Đổi mã số chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” – Mã số 431 trên Bảng cân đối kế toán thành mã số 323 trên Bảng cân đối kế toán. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “quỹ khen thưởng, phúc lợi” là số dư có của tài khoản 335 – “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” trên Sổ cái hoặc Nhật ký Sổ cái.

- Bổ sung chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện” – Mã số 338 trên Bảng CĐKT chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện” là số dư có của tài khoản 3387 – “Doanh thu chưa thực hiện” trên sổ kế toán chi tiết TK 3387.

- Sửa đổi chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước” – Mã số 313 trên Bảng cân đối kế toán. Chỉ tiêu người mua trả tiền trước phản ánh tổng số tiền người mua ứng trước để mua tài sản, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ tại thời điểm báo cáo. Chỉ tiêu này không phản ánh các khoản doanh thu chưa thực hiện (gồm cả doanh thu nhận trước). Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước” là số dư Có chi tiết của tài khoản 131 – “Phải thu khách hàng” mở cho từng khách hàng trên sổ toán chi tiết TK 131.

- Bổ sung chỉ tiêu “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ” – Mã số 339 trên Bảng CĐKT. Chỉ tiêu này phản ánh quỹ phát triển khoa học và công nghệ chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ” là số dư Có của tài khoản 356 - “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ” trên sổ kế toán tài khoản 356.

Bổ sung chỉ tiêu “Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp” – Mã số 422 trên bảng CĐKT. Chỉ tiêu này phản ánh Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp” là số dư Có của tài khoản 417 – “Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp” trên sổ kế toán tài khoản 417.



## KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu lý luận, cùng với việc tìm hiểu thực tế về công tác tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng, em nhận thấy được vai trò hết sức quan trọng của những thông tin kế toán mà Bảng cân đối kế toán mang lại cũng như thông tin phân tích tài chính đối với chủ doanh nghiệp và những đối tượng khác nhau quan tâm đến vấn đề tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng và thời gian viết khóa luận, em đã có điều kiện tiếp xúc thực tế công tác tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán của công ty. Từ đó, đã giúp em hoàn thành được những vấn đề:

+ Hệ thống hóa được những lý luận về công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán trong doanh nghiệp.

+ Trình bày thực tế công tác tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.

+ Đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.

Để hoàn thành được bài khóa luận này, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo, Thạc sĩ Vũ Hùng Quyết cùng với các cô chú, anh chị trong phòng Kế toán của công ty. Em xin được gửi lời cảm ơn tới các thầy cô trong bộ môn Quản trị kinh doanh và các cô chú, anh chị đã giúp đỡ em trong thời gian qua.

Do thời gian thực tập ngắn, trình độ có hạn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, tháng 6 năm 2009

Sinh viên thực hiện

Đoàn thị Thu

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

01- Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

02- Chuẩn mực 21 “Trình bày báo cáo tài chính” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

03- Khóa luận tốt nghiệp, tác giả: Văn Hồng Ngọc, lớp QT902K – trường Đại học dân lập Hải Phòng.

04- Hệ thống báo cáo tài chính của công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.

05- Giáo trình “Quản trị tài chính doanh nghiệp”- Nhà xuất bản tài chính, tác giả PGS.PTS Nguyễn Đình Kiệt, đồng tác giả PTS. Nguyễn Đăng Nam.

06- “Tài chính doanh nghiệp hiện đại”, tác giả PGS.TS Trần Ngọc Thơ- Nhà xuất bản thống kê.

07- Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

08- Thông tư 244/2009/TT-BTC, ngày 31 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

09- Trang Web: <http://www.webketoan.vn>

<http://www.ketoantruong.vn>

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP, PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP</b> .....	2
1.1 Một số vấn đề chung về hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.....	2
1.1.1 Báo cáo tài chính và sự cần thiết của BCTC trong doanh nghiệp. ....	2
1.1.2 Mục đích và vai trò của báo cáo tài chính.....	2
1.1.3 Yêu cầu và trình bày báo cáo tài chính.....	4
1.1.4 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính. ....	5
1.1.5 Trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính.....	9
1.1.6 Kỳ lập, thời hạn nộp, nơi nhận báo cáo tài chính.....	10
1.2. Công tác lập bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DN) .....	12
1.2.1 Khái niệm, kết cấu và cơ sở lập bảng cân đối kế toán. ....	12
1.2.2 Quy trình lập bảng cân đối kế toán.....	17
1.2.3 Thực hiện công tác lập bảng cân đối kế toán: .....	19
1.2.4 Phương pháp lập các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán .....	32
1.2.5 Công tác phân tích bảng cân đối kế toán .....	34
1.3 Nội dung của phân tích bảng cân đối kế toán. ....	34
1.3.1 Phương pháp phân tích.....	34
1.3.2 Nội dung phân tích bảng cân đối kế toán. ....	36
<b>Chương II: THỰC TẾ CÔNG TÁC LẬP, PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN THẮNG</b> .....	42
2.1 Giới thiệu chung về công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng .....	42
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển công ty.....	42
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty .....	42
2.1.3 Thuận lợi và khó khăn.....	43
2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban	44
2.1.5 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.....	45
2.1.6 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty .....	47

2.2 Thực tế công tác lập, phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng. ....	48
2.2.1 <i>Quá trình lập bảng cân đối kế toán tại công ty</i> .....	48
2.2.2 <i>Công tác phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.</i> .....	76
<b>Chương III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP, PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN THẮNG.</b> .....	77
3.1 Đánh giá ưu, nhược điểm trong công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán của Công ty CPĐT và thương mại An Thắng. ....	77
3.1.1 <i>Những ưu điểm đã đạt được trong công tác kế toán của Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.</i> .....	77
3.1.2 <i>Những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán của Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng.</i> .....	78
3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại An Thắng. ....	80
<b>KẾT LUẬN</b> .....	89
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	